

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quan ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Đã-nhiệm : Nguyễn-năng-Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bính

Chánh chủ-bút: Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ-bút: Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cái

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Việc làm chùa Hội-quán Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-dồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội đều cùng góp mỗi vị một đồng (1p00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội-quán.

Vậy xin dâng phương danh các vị hội viên chi hội Nam-dịnh đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín, thập-phương chứng giám.

Các ngài : Nguyễn văn Giản, Nguyễn viết Xuân, Lê xuân Hanh, Trần văn Tiên, Nguyễn văn Duông, Hăng Zu, Ích Lợi (vợ M. Đạt) Harmand, Nguyễn văn Cần, Vũ đình Trinh, Phùng gia Huệ, Nguyễn thế Môn, Mai đại Hữu, Vũ đình Lĩnh, Lưu thị Y, Phan văn Thiêm, Ngô thị Trà, Nguyễn thị Phương, Phạm thị Ba, Lê thị Côi, Lê khả Lộc, Mme Phạm sỹ Nhất Phạm huy San, Mme Phạm huy San, Nguyễn thị Thanh, Lê thị Ngón, Lê ngồn Chí, Trần thị Voc, Vương thị Mỹ, Phạm thị Ý, Nguyễn t' Tân, Lê-thị-Yên, Trần đức Nguyễn, Hà văn Nguyễn, Nguyễn thượng Trung, Vinh thịnh Long, Trần đức Trinh, Nguyễn đình Đình, Trần trọng Dĩnh, Vũ thị Diễm, S. E. Lê Nhiếp, Đan diach Tửu, Tạ văn Xuân, Nguyễn thị Thuộc, Trương et Nhơn, Nam Viên, Phạm thị Diễm, Nguyễn văn Bích, Phan thị Mỹ, Đặng hồng Hy, Lương thị Quán, Nghĩa Hương, Cụ Bộ Thuận Lợi, Ngô thị Nguyễn, Nguyễn văn Phúc, Mme Mỹ hữu Trương, Vũ dương Phán, Lã thị Thìn, Nguyễn thị Bống, Bùi thị Xuân, Nguyễn thị Vương, Lê thị Cảnh, Trần đăng Khoa, Trần đức Ngạn, Trần thị Duyệt, Đình hữu Thiện, Phạm thị Xuân, Vũ lan Đình, Nguyễn nhu Duyệt, Nguyễn thị Vinh, Văn quang Tiến, Nguyễn văn Bát, Bùi thị Độ, Mme Vĩnh Mậu, Trần thị Thiệu, Đặng thị Toán, Bùi thị Sửu, Hà thị Tụu, Nguyễn thị Tĩnh, Cụ Mỹ Lai, Lê thị Yến, Nguyễn thị Nhung, Đào thị Lương, Phạm thị Nghiem, Mme Gi Thinh, Mme Mỹ Hòa, Chu văn Vinh, Tông thị Thành, Đào thị Thảo, Đào thị Điều, Hà thị Miến, Nguyễn thị Gái, Phạm Rí, Đào thị Ý, Roãn thị Vực, Vũ thị Mỹ, Mme Giáo Quỳnh, Lê thị Sáo, Mme Quảng Thành, Nguyễn thị Bách, Tự Mỹ hiệu.

HỘP THƠ

(Qui danh các vị gửi giả tiền báo Đức-Tuệ)

Sư bà chùa làng Đông đồ Phúc-yên	1.00
M. M. Trần văn Uyên, Nam-dịnh	1.00
X Nguyễn văn Thọ, Long xuyên	1.50
Trịnh văn Soi, Ninh bình	1.50
Phạm văn Vãn, Hanam	2.00
Sư cụ chùa Sáng, Gia lâm, Bắc ninh	1.00
Từ minh Đăng, Sơn tây	1.00
Ruy minh Tâm, Sơn tây	1.50
M ^{re} Trương thị Nhân, Chợ lớn	1.00
M. M. Lê công Sơn, Chợ lớn	1.00
Nguyễn khắc Ấng Sơn tây	0.60
Sư ông Từ thanh Dương, Hanam	1.00
Nguyễn đăng Bằng, Chợ lớn	1.00
Lê văn Trích, Hưng yên	1.00
Vinh thuận, Nam định	1.00
Nguyễn văn Quyền, Travinh	1.00
Ngô vi Liễn, Bắc ninh	1.00
Phạm văn Kính, Hadong	1.50
Bùi văn Thiện, Thái bình	1.00
Ngô kim Tông, Seclrang	1.00
Trần cao Tiên, Thanh hóa	1.00
Trần xuân Tịch, Tourcham	1.00
Đặng ngọc Oanh, Bắc ninh	1.00

PHƯƠNG DANH CÁC VỊ CÚNG TIỀN VÀO

TRẢNG THUYỀN HỌC

Chi hội Phật-giáo thành phố Nam-dịnh	20\$00
Nguyễn khắc Xương ở xã Bang ba phủ Nam xang	1.00
Chi hội Bắc-ninh	5.00

CÁI CHÍNH

Bài « Phật giáo tân-luận » trong Đức-Tuệ số 74 từ trang 9 đến trang 14, trong có nhiều đoạn sắp điên-đảo. Nay xin chữa lại, mỗi kỳ 1 tờ (2 trang) xin độc giả lượng cho. Bài chữa đã ở từ cuối số này

MAY LỜI KINH CAO CUNG CÁC ĐỌC GIẢ ĐUỐC-TUỆ

Báo của các Ngài mua năm thứ hai nghĩa là từ số 53 trở đi, đến số 75 là hết một năm rồi, xin các Ngài hoan hỉ vì đạo mà gửi trả tiền để mua tiếp mãi, lại phát tâm cõ động giúp cho được nhiều người đọc nữa, một là được phần pháp lợi, hai là được cái công đức pháp thí, lại được cả công đức cúng giáng Tam-bảo là cái công đức vô-lượng vô - biên nữa, vì rằng các Ngài mua Đuốc-Tuệ tức là gián tiếp giúp vào sự học của Chư Tăng. Vì "liên Đuốc-Tuệ được chút nào, đều để cúng Chư Tăng ăn học cả, vậy Ngài nào không thể giúp được nữa, xin cho biết ngay cho bản-báo liên việc sổ sách, thế cũng là phát tâm vì đạo vậy.

ĐUỐC TUỆ

CHI HỘI PHẬT-GIAO HAIĐƯƠNG

Kính bạch các Giáo-hữu.

Việc làm chùa Trung-ương đã chuẩn định các nam nữ Hội-viên cùng chư Tăng ni mỗi vị cúng góp 1\$00 như thế là để được đều cả ai cũng có một chút công duyên vào đấy.

Ở thành phố thì chúng tôi đã cử một ban đi thu từng nhà có biên lai giấy đỏ của Trung-ương.

Còn mấy nơi Phủ Huyện chưa có chi Hội như là : Đông triều, Cầm giảng và Thanh miện, chúng tôi cũng đã có giấy ủy quyền cho mấy ông đi thu hộ, nhưng có lẽ đi không khắp được.

Vậy còn ngài nào chưa đóng nếu có tiện về tích hoặc gửi người quen phát Bồ-đề-tâm đem đóng cho Hội, xin cứ giao M. Công-Chân số nhà 29 phố Hàng Giấy hay M. Nguyễn Văn-Hồng số nhà 34 phố đường cái tây mà lấy biên lai thật là công đức vô lượng. Kể từ nay đến trong tuần tháng 12 ta là cùng.

Ban trị-sự kính bạch.

GIÚP NẠN DÂN BỊ LỤT

Chi hội Phật-giáo Trác-bút, Hanam

8\$15

Ông Nguyễn-văn-Nhung, Secrétaire à Thù-dầu-Một 2.00

*Lễ đặt móng chùa
Trung-ương Tự-viện*

KỶ ĐẠI HỘI-ĐỒNG HỘI PHẬT-GIÁO BẮC-KỶ

Ngày 29 tháng 5 ta tức là ngày 26 Juin 1938, hội Phật-giáo Bắc-kỳ vừa làm lễ đặt viên đá móng thứ nhất chùa Trung-ương Tự-viện tại khu đất chùa Quán-sứ Hanoi. Do có giấy hội Phật-giáo mời, các quan Tây Nam ở Hanoi, các quan Tổng-đốc, các quan tỉnh phủ-huyện nhiều nơi, các Hội-viên, các Đại-lý bèn tề tựu tại-gia về dự lễ rất là đông vui từ khi hội thành lập đến nay mới có lần này là một.

Buổi sáng. — Trước 9 giờ sáng, Cụ Hiệp Nguyễn-năng-Quốc Chánh Hội-trưởng, ban Trị-sự Trung-ương, ban Đạo-sư và các vị Thượng-tọa các chi hội, các Đại-lý các chi hội, các hội viên nam nữ ở Hà-thành và ở các chi địa-phương đều đã tới đông đủ cả.

Chỗ đặt viên đá móng thứ nhất, dựng một cái thềm-lầu, treo cờ phướn kết hoa rực-rỡ. Góc móng ở giữa thềm-lầu, đào sâu thành một cái hồ vuông, có bậc đi xuống, dưới đã trị đất kỹ mà khơi sậy một miếng góc móng để hồ vừa viên đá thứ nhất sẽ đặt xuống. 8 giờ rưỡi, Sư tổ Liên-phái kỳ-túc nhất mặc mũ áo Thiên-gia pháp-chủ và bốn vị kỳ-túc Đạo-sư mặc xa đàn cùng Chư tăng lên Tam-bảo cúng Phật, viên đá móng thứ nhất đặt trước Tam-bảo, mặt viên đá đánh nhãn có thích chữ

Nho và chữ Pháp ghi ngày, tháng khi đặt móng khởi - công xây chùa. Thiện - tín vào lễ Phật xong vừa đúng 9 giờ. Các quan khách có quan Đồng-lý Vinay phủ Thống-sứ đại-diện quan Thống-sứ vì Ngài đi công-cán, Quan Đốc-lý Virgitti, ông Janvier, ông Daunic. Các quan Tổng-đốc : Nguyễn-đình-Quy, Mai-trung-Cát, Phạm-gia-Thụy, Lương-văn-Phúc. Các quan Tuần-phủ : Phạm-văn-Hanh, Đào-hữu-Khôi, Bùi-huy-Tiến, Các ông Bang-trưởng và thân-hào Hoa-kiều, các ông Hội-trưởng các hội Ái-hữu, các quan Phủ-huyện nhiều hạt, đều tập-nập tựu tọa. Cụ Võ-hiến Hoàng - trọng - Phu, Đại Hưng-công, chủ-lễ đặt móng cũng vừa tới.

Hiệu chuông ngoài cổng hoan nghênh vang lừng. Cụ Võ-hiến mặc lễ-phục vào lễ Phật. Đoạn, hai vị Túc-nho cư-sĩ là Nguyễn-hữu-Tiến tiên-sinh và Vũ-mạnh-Sức tiên-sinh đều mặc áo lễ, cùng nâng viên đá móng thứ nhất từ cửa Tam-bảo ra thê-lâu để giúp lễ đặt móng.

Lệ ta xưa làm nhà làm đình chùa thì lấy lễ chông nóc làm trọng, nay lễ đặt viên đá móng thứ nhất này là theo lệ tây-phương mà người Việt-nam mới thi hành trước nhất ở đây, nên khách xem lễ lúc ấy náo nhiệt lạ-thường. Dưới hồ, Cụ Võ-hiến, Cụ Chánh hội-trưởng, hai vị Cư-sĩ giúp lễ đứng. Viên đá móng để trên cái án nhỏ phủ giấy trang kim và vóc đỏ, trên miệng hồ các vị tặng Đại-đức mặc xa-dân, cầm gậy tám xích, sắc kim quang trên mũ hoa sen sán-lạn. Các quan Tây, Nam, các vị Hoa-tân, các yếu-nhân hội Phật-giáo đứng chật xung quanh trong nhà thê-lâu. Các máy ảnh tranh nhau

chụp, có 10 vị ban tiếp-tân là những ông: Lê văn Oánh, Nguyễn đình Tiều, Nam thái, Đào văn Châu, Mạc đình Tịch, Dương văn Dzi, Quang minh, Đoàn văn Toàn, Nguyễn đình Nghĩa và Trịnh đình Kinh cùng các Hương - đạo đoàn Đồng - đa Đoàn - trưởng là ông Ngụy văn Tư và Đoàn sinh hết sức giữ chặt-tự. Bắt đầu sự cụ Bát-mẫu và sự cụ Cao-dà tuyên đọc 2 tờ điệp về việc khởi công làm chùa, cầu Phật chứng minh. Đoàn, Cụ Chánh Hội-trưởng cùng hai cư-sĩ nâng viên đá móng lên, cụ Vô-hiền cầm cái bay bằng bạc súc vữa cho xuống chân móng, viên đá móng từ từ đặt khít xuống cái khuôn đẽ hỡ sẵn. Trên miệng hố, các Đại-đức, chư tăng vừa đọc chú vừa đi nhiễu ba vòng.

Lễ đặt móng thế là xong. Cụ Chánh Hội-trưởng lên diễn-dân đọc bài diễn-văn bằng chữ Pháp trước máy truyền thanh, lại có cả hăng *Disk* đem máy thu thanh đến thu lấy cả tiếng đọc diễn văn, tiếng sư tụng kinh, tiếng chuông, tiếng mõ, tiếng pháo, đem ra sở Phát thanh Hanoi, ngay chiều hôm ấy ở khắp xứ Đông-dương ai có máy vô-tuyến-điện truyền thanh, đều được nghe cả, cụ nói về việc cần [có] ngôi chùa Trung - ương tự viện cho hội Phật-giáo và cả nền Phật-giáo trong nước ở chốn đô-thành này. Đoàn, ông Nguyễn-văn-Ngọc Đốc-học Hà-dòng là Phó Hội-trưởng tiếp lên đọc bài diễn-văn quốc-ngữ nói về thế-thế địa-diêm ngôi chùa mới. Mỗi khi rút tiếng đọc hai bài diễn văn, tiếng vỗ tay râm ran.

Lễ xong, Cụ Chánh Hội-trưởng và các vị trong chùa mời các Đại-lý, Hội-viên thiện-tin ở lại thụ

traị tại nhà rạp. Việc tiếp khách lễ đặt móng này, do chư tăng đảm đương nên rất chu đáo, hội-viên và quan khách lập thương tới dự, giàu nước hoặc trai soạn đủ lượt. Ai nấy đều hoan hỉ.

Tuy cái chùa Trung-ương Tự viện đồ sộ còn đợi nay mai mới hoàn thành, mà xem lễ đặt móng đông vui, thập phương và hội viên xa gần đều phát tâm nhiệt liệt ta có thể đoán chắc không bao lâu mà cái công đức vĩ đại này thành-lựu mỹ mãn.

Buổi chiều. — Đúng 3 giờ chiều mở đại hội-đồng, Hội-viên và Đại lý các chi hội về dự lễ đặt móng chùa đều ở lại đủ mặt họp đại hội-đồng. Các đại đức bên tăng như cụ Hương tích, cụ Tế cát, cụ Bội, cụ Bằng, cụ Trung hậu và nhiều các cụ Thượng-tọa các địa-phương. Bên Cư-sĩ, các Đại lý tỉnh bộ như cụ Thiệu bảo Nguyễn văn Bản, cụ Luân Tràn văn Đại và nhiều vị Đại lý các chi hội, cùng hội viên Hanoi, ngồi chật một nhà thờ, một cái tiền đường và cái nhà rạp lớn, phải đặt máy truyền thanh để đọc bài diễn và nói bàn mới đủ cho các chỗ ngồi nghe được. Bắt đầu cụ Chánh hội trưởng Nguyễn đọc tờ trình nói về công việc hội từ năm 1934 mới thành lập đến nay, Cụ cùng ban Trung-ương quản trị đã hết sức lo liệu cho công việc hội tiến hành thế nào.

Về phần tinh-thần cũng như về phần hình-thức, những bước khó khăn, những thành-tích tiến-hành thế nào. Khoản nào khoản ấy đều minh-bạch rõ-ràng. Kế đến ban kiểm quỹ đọc tờ trình về việc xét các khoản thu chi trong quỹ về các năm đều đúng. Kế đến ông

Thủ quỹ Lê-Toại đọc tờ trình từng khoản thu chi trong từng năm đúng với tờ trình hau kiểm quỹ. Vì mấy năm nay tự Trung-ương đến các địa phương đều đang thảo sáng bề bộn, năm nay mới hợp được đại hội đồng. Các Hội viên rất là chăm chỉ đề nghe các tờ trình và các giấy má, thấy Trung-ương bày rất làm sự cùng các điều khoản thu chi rành mạch rõ ràng, ai nấy đều hi hi tỏ lòng tin nhiệm.

Tiếp đến bản điều lệ mới vừa mới thảo bằng chữ Pháp và chữ quốc văn xong. Cụ Hội-trưởng đọc và hỏi ý kiến đề Hội viên bản sửa, đề thỏa thuận sẽ triah Quan Thống-sứ duyệt y cho thi hành. Đoạn, cứ lại ban Hội đồng Quản trị Trung-ương mới. Cụ Hiệp Nguyễn lại được tái cử làm Chánh Hội-trưởng cao hội, cụ xin từ mà toàn thể Hội đồng mới ép Cụ lại giúp cho hội. Hội đồng lại công cử 4 vị Phó Hội-trưởng mới là : Sư cụ Trung-hậu, cụ Thượng Vi-văn-Định, cụ uần Trần-văn-Dại và cụ Lê-văn-Phúc, Hội viên cố vấn Bắc kỳ. Quản lý là cụ Lê-Dư, Tổng thủ quỹ là cụ Lê-Toại, Thủ quỹ là ông Nguyễn hữu-Lộc. Tổng thư ký là cụ Đốc học Nguyễn quang Oánh, thư ký là ông Tạ-đình Kính và ông Vũ văn Thu, 6 ông Giám đốc : 1. Giám đốc tài chính, ông Nguyễn quốc Thành, 2. Giám-đốc việc Phật - học, ông Đốc học Nguyễn văn Ngọc, 3. Giám đốc lễ nghi, Sư cụ Tế Cát và ông Nguyễn văn Canh, 4. Giám đốc công tác, ông Nguyễn hữu Tiệp, 5. Giám-đốc tuyên-truyền, cụ p. ù Trịnh xuân Nham, 6. Giám đốc ngoại giao, ông Trần văn Giáp. 6 vị cố vấn : 1. Ông Docteur Trần văn Lai, 2. ông Nghị trưởng Phạm huy Lục, 3. ông Vũ nghĩa Kỳ, 4. ông Văn quang Thụy, 5. ông tiến-sĩ Nguyễn

mạnh Tường, 6. Ông tiến sĩ Nguyễn văn Huyền. 1. Ban cố vấn nguyên lão là cụ Võ hiền Hoàng trọng Phu, cụ Thiểu Nguyễn văn Bàn và hai vị Thượng tọa bên tăng sẽ trọn trình Hội đồng sau. 2. Ban Giám sát Trung ương là cụ Thượng Phan văn Đại, 3. Ban Đạo sư có 8 vị Thượng tọa Chư tăng sẽ bàn sau, 4. Ban Công tác là ông Giáo Nguyễn đình Quế. 5. Ban cố động là các cụ Dương bá Trạc, Nguyễn trọng Thuật, Nguyễn hữu Tiến và Bùi Kỳ. 6. Ban Khảo cứu, cụ Đốc học Trần trọng Kim. 7. Ban Kế toán, ông Tô lan Khoa. 8. Ban Hộ niệm, ông Nguyễn hữu Kha.

Sau hết, toàn Hội đồng xin đem việc làm chùa nhường giao bên Tăng nhận cả cho hội. Các vị Đại đức đều hoan hỷ nhận ngay và liền lập hội đồng tăng đề bầu từng ban thu, chi, khuyến hóa và đốc công việc làm chùa Trung ương tự viện. Ai nấy đều mừng rằng việc làm chùa mà Chư tăng đảm nhận cho cả, thực là xứng đáng danh nghĩa. Công việc sẽ tiến hành nhanh chóng. Thập phương tất đều hoan nghinh.

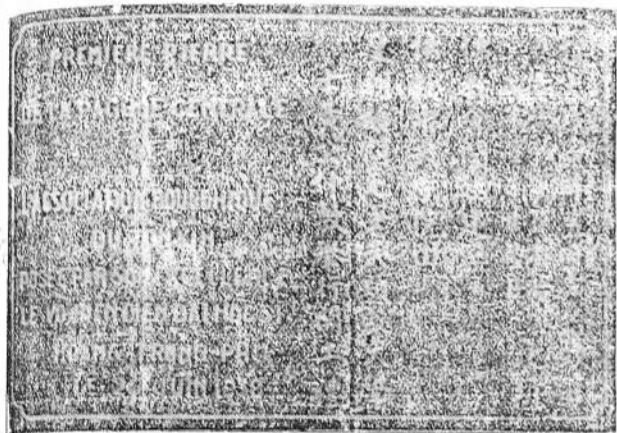
Đến 8 giờ tối hội đồng giải tán.

LỜI CẢM Ạ

Quý-bảo Đông-pháp và Trung-bắc cử động giúp việc làm chùa Trung-ương tự-viện. — Đoàn hương-đạo Đông-đa và 10 vị tiếp-tân đã giúp sức và giữ trật tự hôm làm lễ đặt viên đá thứ nhất. — Ông Quang-minh cho mắc quạt và đèn.

Hai ông Phúc-mỹ và Tường-kỳ cho pháo đề giúp vui vào ngày lễ ấy.

Vậy ban Trị-sự Hội Phật-giáo xin trân trọng cảm tạ các ngài.



Ảnh chụp những giòòng chữ Hán và chữ Pháp khắc trên mặt viên đá móng chùa Quán-sứ Hanoi, do cụ Lớn Võ-Hiền Hoàng-Trọng-Phu làm chủ lễ sáng hôm 26 Juin 1938.



Cụ Hiệp-Tá Nguyễn-năng Quốc Chánh Hội trưởng Hội Phật-giáo Bắc-kỳ đang đọc diển-văn bằng chữ Pháp trước máy truyền-thanh



Quan Đốc-Học Nguyễn-văn-Ngọc Phó Hội-trưởng Hội Phật-giáo Bắc-kỳ đọc diển-văn bằng quốc-ngữ trước máy truyền thanh.



Ảnh Cụ Lớn Võ-Hiền Hoàng-trọng-Phu đang cúi xuống cầm cái búa bằng bạc chát vữa vào nơi đặt viên đá thứ nhất để khởi công làm chùa Trung-ương Tự-viện tại khu đất chùa Quán-Sứ Hanoi.

NGUYÊN-NHÂN THẾ-GIỚI

Thế-giới bởi đâu mà hóa sinh ra, là một vấn-đề huyền diệu, không có gì làm bằng có; trí người ta không thể nghĩ sao cho ra được. Xưa nay đã có nhiều lý-thuyết mà vẫn chưa giải quyết xong: Theo thuyết nhà Nho, thì có một cái gọi là Thái-cực nó sinh ra Trời Đất; mà cái Thái-cực ấy bởi Vô cực mà sinh ra, Vô - Cực nghĩa là vô cùng cực, là « Hư không ». Thế là cái Hư-không nó sinh ra Trời Đất, chứ chẳng có ai sinh. Còn cái Hư-không tại sao mà sinh ra thì chưa rõ. Theo thuyết nhà Tôn-giáo Áu-Mỹ, thì nhận có một ông Chúa-tể sinh ra Trời Đất. Theo thuyết nhà Khoa-học ngày nay, thì quả đất là một khối lửa ở mặt trời tách ra, lâu ngày nguội dần đi, thành ra sông núi. Vậy thì Mặt Trời và ông Chúa tể kia bởi đâu mà sinh ra, vẫn là chưa rõ.

Ta là đệ tử của Phật, theo phép Phật mà bàn, liệu có rõ được không ?

Kinh, Luận nhà Phật đều nói cả; ngặt vì nghĩa lý sâu sa, và có chỗ lại sai khác nhau, thì bàn làm sao cho rõ được! Chỗ khác nhau ấy là vì có hai học thuyết Đại-thặng và Tiểu-thặng; còn cái lý sâu sa, thì ta cần nên nghiên cứu, họa may có rõ được chút nào chẳng!

Nguyên khi đức Phật THÍCH-CA ra đời, ở Ấn-độ đã có nhiều học-thuyết lắm, như các nhà học-giả Bà-la-môn và sáu ông Luận-sư v. v. Lý thuyết của họ cũng cao xa lắm, và đệ-tử của họ rất đông. Vì lòng từ-bi thương đời mê-muội theo tà-thuyết, nên Phật hiện phàm-thân, đứng lên chính-thuyết để cứu đời. Phá hết tà-thuyết của các ông tà-sư, đến nỗi những đệ-tử tối cao của các ông ấy đều quay về theo Phật. Vì thuyết của Phật cao quá nên phải chia ra làm tiểu-thặng và đại-thặng. Bậc tiểu-thặng phần nhiều là đệ-tử của Bà-la-

môn và Lục-sur mới theo sang. Những học-thuyết cũ đã in sâu vào trí họ, mà chưa cần, hoặc không cần phải sửa đổi ngay, thì Phật cũng tạm dùng, cứ để nguyên như cũ mà nói thêm cho họ theo lý-thuyết mới, đợi đến khi thuần thục, chuyển họ lên bậc đại-thặng thì tự khắc họ hiểu-ngộ. Lên đến bậc đại-thặng, thì bao nhiêu học-thuyết cũ bỏ hết, hoàn toàn là học-thuyết mới cả. Bởi có ấy mà trong Kinh nói có nhiều chỗ khác nhau.

Này như vấn-đề thế-giới, tức là một khoa-học về Địa-dư, Thiên-văn, hay là « Vũ trụ luận »; thì trong hai pho Kinh « Thượng-tọa-bộ » và « Thuyết-abất-đhiết-hữu-bộ » của phái Tiểu-thặng chép bằng tiếng Pali đã có nói. Một ông bác-s? Anh tên là Megovora đã dịch ra tiếng Anh, ông này bịa phảm khoa địa-dư của nhà Phật, cho là chán lắm vì đem so với khoa-học địa-dư ngày nay, thì không có căn cứ vào đâu cả. Tuy cũng có một vài chỗ đúng, song có nhiều chỗ thật viển-vông.

Như kinh ấy đã nói rằng: Thế-giới này ở giữa có một quả núi rất cao làm cột trụ gọi là Tu-di, bốn bên chia ra làm bốn châu lớn, chung quanh có nước bao bọc, có cả không khí và hơi lửa nóng, Các châu đất ấy kết thành ở trên một khối rất kiên cố như đá, sắt, kim cương; khối ấy gọi là kim luân, kim luân ở trên thủy luân (là nước), thủy luân ở trên phong luân (là gió), phong luân ở trên không luân (là hư không). Tuy nói thế giới có bốn châu lớn, mà người Ấn độ chỉ biết có một châu ở phía nam núi Tu-di gọi là Nam-Diêm-Paù-Đề, tức là xứ Ấn độ. Còn ba châu ở phía đông, phía tây và phía bắc núi Tu-di, và cả núi Tu-di nữa, thì họ chỉ được nghe nói thế thôi; kỳ thực hình-thể nó ra thế nào, thì thật mặt người Ấn-độ chưa từng thấy. Lại còn có nhiều truyện Thần kỳ về nhân vật ở trên núi Tu-di và ở ba châu kia

nữa. Vì đó mà nhà địa-dư học ngày nay cho cái cái thuyết thế-giới của nhà Phật là đáng chán, như nhờ phẩm-bình của ông Megorvorn ! Nhưng chớ vội tin, hãy xem nhờ phẩm-bình ấy có sắc đáng không ? Đời thượng cổ, người ở sử nào biết sử ấy thôi : Người Âu-châu, chỉ biết có Âu-châu mà không biết có Mỹ-châu, cũng như người Ấn-độ không biết có Âu-châu, Phi-châu và Mỹ-châu, mà chỉ biết có Ấn-độ thôi ; rồi họ tin rằng trong bốn châu lớn nói ở trong Kinh, thì xứ Ấn-độ là một châu lớn. tức là Nam-diêm-phù-đề ; đến khi biết có châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, thì họ cũng lại cho là Nam-diêm-phù-đề cả. Còn ba châu lớn kia ở đâu họ không biết, họ tin rằng những châu ấy ở đâu đâu và có những nhân-vật kỳ kỳ quái quái ở kia !

Khoa-học địa-dư của người Ấn-độ thời bấy giờ đại khái như thế. Người Ấn-độ hiểu biết cái bình thế của quả đất này như thế, thì dù đúng hay dù sai, khi Phật ra đời, Phật cũng không nói đến, Phật chỉ nói cho biết cái nguyên-nhân sinh ra quả đất này mà thôi.

Nhà khoa-học ngày nay như ông bác-sĩ Megovorn, thấy trong Kinh Phật nói về hình thế quả đất không đúng với sự thực-nghiệm của khoa-học thì cho là đáng chán. Về phần lý-thuyết của Phật, thì ông Megovorn thăm phục. Ông không hiểu tại sao Phật nói về nguyên-nhân thì cao minh tuyệt, mà nói về hình-thức lại lờ mờ như thế.

Vì không hiểu rõ ý sâu của Phật ! Phật ra đời chỉ cốt nói rõ cái nguyên-nhân sinh ra vạn pháp, mong cho đời sớm được tỉnh ngộ ngay. Còn như hình thức thì vẫn để nguyên theo thế tục đời bấy giờ, dù sai cũng không có thì giờ sửa lại. Sửa lại không phải là cần-cấp lắm ! Chẳng những một vấn-đề Vũ-tru này, còn bao nhiêu vấn-đề khác, cũng đều như thế, cả đến phép tu hành cũng vậy.

Nay xem trong kinh Thủ-Lãng-Nghiêm của đại-thặng, nói về nguyên-nhân sinh ra thế-giới và hình thể của thế-giới mới sinh ra, thì khác hẳn Kinh tiêu-thặng đã nói ở trên kia. Kinh này không nói rằng thế-giới ở trên Kim-Luân, kim-luân ở trên thủy-luân, thủy-luân ở trên phong-luân, phong-luân ở trên không-luân, như trong kinh tiêu-thặng.

Kinh này chỉ nói rằng: Bản-giác của ta sáng suốt đầy rẫy khắp cả không-gian. Ta bỗng nhằm tưởng rằng nó không sáng, muốn làm cho nó sáng ra, vì thế cho nên trong Bản-giác mới hiện ra cái bóng Vô-minh. Rồi bóng Vô-minh hiện ra cái không-âu (空淵, là cái bong bóng rỗng không) để cầm giữ lấy thế-giới, tức là không-luân. Nếu không có cái bong bóng rỗng không này, thì không có chỗ lập ra thế-giới. Không ầu (sở biển) với Vô-minh (năng biển) xô nhau sinh động mà thành ra gió, tức là phong-luân. Vì có gió nên không-luân rung động, mà vô-minh thì cố kết đứng vững nên mới biến thành kim-luân là cái chất giắt như đá, sắt, kim-cương, để giữ vững lấy nền đất nước. Phong-luân với kim-luân xô sát nhau thành ra hơi nóng, lửa sáng, tức là hỏa tính để đào tạo ra muôn vật.

Kim-luân có chất mát-rẻ, lạnh ướt, bởi lửa nóng hấp vào, chất ướt chảy ra thành nước, tức là thủy luân, bao hàm cả chung quanh.

Lửa bốc lên, nước dội xuống, giao phạp với nhau lập thành thế-giới kiên cố. Chỗ thấp ướt thành ra vùng bể, chỗ cao ráo thành ra châu lớn, châu nhỏ.

Sức nước chịu kém sức lửa, lửa nung mãi kết lại thành ra núi cao.

Sức đất chịu kém sức nước, nước tưới mãi mọc ra cỏ cây.

Vì bốn chất-lớn là gió, đất, lửa, nước (tứ-đại: phong, địa, hỏa, thủy) hòa hợp với nhau mà tạo thành ra

thế-giới. Bốn chất-lớn lại có bốn chất nhỏ là hình-sắc, hơi người, mùi ăn, cảm xúc (tứ vị : sắc, hương, vị, xúc).

Tứ-đại vị có tứ vị mà tạo ra sáu trần là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Mỗi trần có hai tướng phản đối nhau. Vì có 12 trần-tướng ấy, mà Bản-giác-diệu-Viên của ta mới kết thành sáu câu là nhãn, nhĩ, tị, thiệt, thân, ý; sáu câu chia Bản-Giác ra làm sáu phần là Kiến, Văn, Hứu, Thưởng, Giác, Tri, rồi tùy theo định nghiệp chiểu giã, mà thành ra bốn loài chúng sinh là Hóa, Thập, Ngũ, Thai.

Theo như Kinh đại thặng, thì cái hình thể của thế-giới này chỉ nơi có thể thối. (1) (Xem nhời tiểu giã).

Đây là nói về thành kiếp.

Qua thành kiếp, rồi đến chu kiếp, rồi đến hoại kiếp, rồi đến không kiếp.

Qua không kiếp, rồi lại trở về thành-kiếp, v. v.

Thế là Bản-Giác của ta hóa làm thế giới chúng sinh

(1) Nhời tiểu dẫn. — Theo ý kiến riêng của tôi, thì hình thể thế-giới nói ở Kinh Thủ-Lăng-Nhiêm đây, không khác gì hình thể thế giới của khoa-học thực-nghiệm ngày nay; Không-luân tức là cái vòng không-khí (atmosphère), không khí với hơi nóng chuyển động thành gió, tức là phong luân, giữa vòng không khí có quả đất, trong quả đất có đá, sắt, vàng, bạc, ngũ kim, tức là kim-luân, xung quanh quả đất có nước biển bao bọc tức là thủy luân. Quả đất có những chỗ nhỏ cao lên trên mặt nước biển, tức là châu lớn, còn những cù-lao tức là những châu nhỏ. Các nhà giải nghĩa Kinh, muốn điều hòa hai phái Đại, Tiểu thặng, cố đem gò nghĩa kinh tiểu thặng với đại thặng cho đúng, thành ra giảm mất linh thần. Chẳng biết có phải thế không? Còn mong ơn chư Phật hộ niệm khai thị.

và đọa vào bốn kiếp luân hồi : Thành, Trụ, Hoại, Không và Sinh, Trụ, Di, Diệt, mãi mãi, luôn luôn không lúc nào dừng !

Nói tóm lại, thì cái « Nguyên nhân » sinh ra thế giới và chúng sinh tức là cái bóng vô minh kia bởi vì nó hiện ra ở trong Bản-Giác của ta vậy. (Còn tại sao vô minh hiện ra, xin xem dưới).

Trong bài này có một đoạn nói về Kim luân rất khó hiểu. Như nói : « Vì có gió nên không-luân dung động, mà vô minh thì cố kết đứng vững nên mới biến thành ra Kim Luân là cái chất rắn như đá, sắt, kim cương ». Vô-minh là giống vô hình, dù có cố kết đứng vững đến đâu cũng không thể biến thành ra một vật có hình rắn chắc như sắt đá ấy được. Tuy rằng ta phát tâm tịnh tín, tin nhờ Phật nói là thực, nhưng trí ta suy lẫm, thì vẫn không hiểu lại sao mà biến thành ra như thế được.

Nay xin trích nguyên văn ở bài này mà diễn dịch theo lối khoa học, họa may có rõ được chăng.

DỊCH :

Giác minh, không muội, tương đãi thành giao,

覺 明 空 昧 相 待 成 攝

(Bản-Giác sáng, hư-không tối, cùng đợi nên lay động).

Cố hữu phong luân chấp chôi thế giới,

故 有 風 輪 執 持 世 界

(Cho nên có gió vòng tròn, cầm giữ đời cõi).

Diễn :

Bản giác của ta vốn nó sáng chung, vùng tròn khắp cả hư-không vũ trụ. Như một ngọn đèn treo ở giữa một gian nhà để không ; ánh sáng ngọn đèn ấy vùng tròn ra đầy rẫy khắp cả trong gian nhà ấy, không còn sót một chỗ nào là không sáng. Nay bỗng gặp cái

vô minh là cái không sáng, bám ngay vào cạnh ngọn đèn bản giác, hiện ngay ra một cái bóng lù-lù ở ngay giữa gian nhà đang sáng rực rỡ kia. Trong cái bóng lù lù ấy, tuy rằng vẫn có ánh sáng, nhưng mà mắt ta không tài nào trông thấy được nữa. Ta tưởng chừng như là chỗ bóng lù lù ấy đã mất hẳn ánh sáng đi rồi. Kỳ thực nào có mất đâu! Hễ ta vút cái vô minh đi, thì chỗ bóng lù lù ấy lại sáng nguyên như cũ. Nay ở trong Bản-giác của ta đã hiện ra cái bóng lù lù ấy, nó tối tăm mù mịt không thấy gì, biết gì nữa, cho nên gọi là ngoan-không. Cái bóng lù lù ấy tức là cái không luân vậy. Trong cái Không-luân ấy, tuy gọi là tối tăm, mà vẫn có ánh sáng của Bản-Giác. Bản-Giác thì không khi nào biến đổi, nhưng đã lọt vào trong cái bóng vô minh, thì phải tùy theo nó mà hóa ra cái màu sáng khác, không còn được là cái ánh sáng thật-nguyên nữa, chỉ là cái vọng minh đó thôi, tức là cái sáng giả giới. Vậy thì trong cái Không luân ấy có hai phần: một là Giác-minh, hai là Không Muội. Giác-minh nghĩa là Bản-giác phải theo Vô minh mà hiện ra cái ánh sáng giả giới. Không muội nghĩa là cái Ngoan không thì nó tối tăm.

Chỗ sáng tất là ấm, chỗ tối tất là lạnh. Hai chỗ cùng nhau đối chọi, xô đẩy làm rung động cả Không-luân mà sinh ra có gió, tức là phong-luân. Phong-luân với không-luân liền nhau như một, khi rung động là phong-luân, khi yên lặng là không-luân. Có cái phong-luân này là cốt để cầm giữ lấy thế giới cho vững, tức là cái vòng không-khí bao bọc chung quanh quả đất (atmosphère).

DỊCH :

因 空 生 搖 豎 明 立 礙

Nhân không sinh giao, kiên minh lập ngại,

(Nhân vì hư không, sinh ra lay động, bền sáng lập ra chướng-ngại nặng nề).

彼 金 寶 者， 明 覺 立 堅。

Bỉ kim bảo giả, minh giác lập kiên.

(Kìa loài kim quý báu ấy, sáng giác dựng bền).

故 有 金 輪 保 持 國 土。

Cố hữu kim luân, bảo chi quốc thổ.

(Cho nên có loài kim vòng tròn, giữ cầm nước đất).

Diễn :

Nhân có cái bóng Ngoan-không lù lù ấy hiện ra, nên ánh sáng của Bản-giác sinh ra lay động ; còn cái bóng Vô-minh thì cứ vững bền chập vào cái Bản-giác, thành ra một vật chướng ngại nặng nề. Như các thứ vàng báu kia đều bởi Vô-minh chập vào Bản-giác, mà lập thành cái tính chất bền chặt ấy. Cho nên mới có cái vòng Kim-luân để giữ vững lấy nền đất nước.

Tuy nói rằng vì cái bóng Vô-minh cứ bám chặt vào Bản-giác như một vật chướng ngại nặng nề ném xuống làm cho Bản-giác cảm tưởng, cho cái bóng Vô-minh ấy là có tính chất kiên cố như vàng, đá. Rồi cái chất kiên cố vàng đá ấy phải biến ra thật, tức là kim-luân. Nói thế thì vẫn có lý nhưng mà cái bóng Vô-minh vốn là vô hình, lẽ nào lại hiện ra cái Kim-luân là vật có hình chất kiên cố như thế được. Vậy phải đem thêm nhờ Phật nói ở trên mà giải nghĩa thêm thì mới rõ. Phật nói rằng : « Không-luân hồi ám trung, kết ám vi sắc » Cái ngoan không và cái vô-minh cùng ở trong một chỗ tối tăm kia, rồi kết cái tối tăm ấy lại mà làm ra hình sắc : núi, sông, đất, nước.

Bốn chữ kết ám vi sắc đây, cũng một nghĩa với bốn chữ kiên minh lập ngại. Một câu nghĩa là cố kết cái tối lại mà làm ra hình sắc, một câu nghĩa là kiên cố cái vô-minh mà lập ra cái chướng ngại.

Vô-minh tức là cái tối, cố kết cái tối lại mà làm thành ra cái hình sắc chướng ngại nặng nề như sắt, đá, thì chỉ người ta vẫn không thể nào hiểu được. Nay ta đem khoa-học tối tân mà suy xét, thì cũng dễ hiểu lắm.

Thí dụ. — Như sắt, đá là những vật có hình sắc chướng ngại đệ nhất ở thế-giới này, thế mà khoa-học làm cho được những vật ấy thoảng đi như hư không. Xem thế thì đủ biết sắt, đá tuy mắt trần ta trông thấy nó rõ là vật có hình sắc chướng ngại thật, mà kỳ thực nó chỉ là cái bóng vô-minh tối tăm, vô hình kết lại đó thôi. Nếu không phải thế, thì khoa-học làm thế nào cho nó thoảng đi như hư-không được? Vậy khoa-học làm thế nào mà sắt đá thoảng đi như hư không? — Khoa-học phát minh ra một thứ « điện quang X », dùng nó soi vào cái hộp sắt, hộp gỗ, ở trong đựng gì đều trông thấy cả, đem soi vào thân thể người ta, lục phủ ngũ tạng ở trong thân, cũng nhìn thấy rõ được.

Nghĩa là thứ « điện quang X » là một thứ sáng cực điểm, nên mới đủ sức soi suốt được, và phá tan được những thứ tối cực điểm. Thứ tối cực điểm tức là sắt, đá, xưa nay ta vẫn tưởng nó là vật kiên cố nặng nề lắm, là vì ánh sáng ở mắt ta không đủ sức trông suốt được nó. Nay nhờ có « điện quang X » soi vào thấy nó vô hình, không còn thấy gì là chướng ngại nặng nề nữa, thì đủ chứng nghiệm rằng mắt Phật trông đã suốt được, và nhờ Phật nói là thực đích.

Rõ ràng là cái khối lớn kim-luân kia, chính bởi cái bóng tối vô minh nó kết thành, cho nên ánh sáng Phật soi vào, nó mới biến mất nguyên hình đi được, cũng như trong một gian nhà tối mịt mịt kia, soi một ngọn đèn vào, thì bao nhiêu cái tối tăm biến đi đâu hết. Cho nên ở cuối bộ Kinh Thủ-lăng này, Phật nói rằng : người nào đã phát hiện được cái chân quang

ra mà soi ngay vào nguyên lý, thì thấy cái vòng hư-không nó bao bọc cả mười phương thể giới này; đều tiêu tan đi hết. Chính là nghĩa thể (1). Trong Tâm kinh Bát-nhã cũng có nói rằng : Ngài Quán-Tự Tại bồ-tát dùng trí quang Bát-nhã mà soi thấy cái thân năm uẩn ở thế gian vật chất này đều là không cả, cũng là nghĩa thể.

Cư-sĩ : Văn quang-Thụy

Bài ca văn cảnh chùa Hồ-thiên

(ĐÔNG-TRIỀU, HẢI DƯƠNG)

Lời dẫn : Bài ca này ký-giả viết từ hồi còn thiếu-niên, vào năm 1910. Khi ký giả vào văn cảnh chùa Hồ-thiên. Nay các sư có nhiều Ngài đã nghe qua, muốn tôi viết lại và đăng vào Đuốc-Tuệ để các Ngài xem lại.

Tôi sở dĩ viết bài ca này là vâng ý của Trao-hà Thiên-sư. Người là trụ-trì chủ cả ba chùa Trao-hà, An-lâm và Hồ-thiên. Nhất là cảnh Hồ-thiên này do công đức của Người mới phát kiến dấu cò trong rừng sâu mà trùng hưng lên.

Muốn chứng dẫn cho bài ca, tôi chép lại lai lịch chùa Hồ-thiên.

Nguyên chùa Hồ-thiên với chùa Ngọa-vân, chùa Yên-tử, là ba ngôi chùa danh lam thánh tích trên đỉnh ngàn núi Yên-tử từ đời Trần.

Ngàn núi Yên tử khởi từ huyện Chí linh đi qua huyện Đông-triều (Hải dương) ra đến địa phận Quảng yên. Giữa đột lên ba ngọn núi cao hơn cả. Đầu ngàn núi về đằng tây là núi Ngọa-vân, là nơi ngôi chùa mà Đức tổ đệ nhất Chúc-lâm náu bản và lên hỏa đàn ở đó. Nay còn tháp Phật-

(1) Muốn hiểu rõ câu này, nên xem Thủ-Lãng quyển 9, bài Kinh-động-chư-ma.

hoàng thờ xá lệ Ngài ở chùa Ngọ-ván. Đầu ngàn núi về đàng đông là núi Yên tử, núi này cao nhất, nơi Đức tổ đệ nhất Chúc-lâm tu trì, di tích nay còn chùa Thiên-trúc (chùa Đông), chùa Bảo-xát, chùa Văn-tiểu, chùa Hoa-yên. Giữa ngàn núi là núi Hồ-thiên, truyền rằng khi Tổ đệ nhất Chúc-lâm tu trì ở chùa Yên tử, Ngài thường đi về cả hai cảnh Hồ-thiên, Ngọ-ván. Nên Ngọ-ván cũng thành cảnh danh tích.

Hồ-thiên cũng như các chùa trên ngàn núi Yên-tử, về hồi cuối đời Tự-đức, nào dư đảng loạn quân bên Tàu chạy sang như hai bọn cờ đen, cờ vàng về phá Thái bình Thiên-quốc, nào những nghĩa dân khi mới đặt cuộc Bảo-hộ, đều ẩn núp ở vùng rừng núi ấy. Cho nên các cảnh danh thắng vùng ấy không ai dám trụ trì và văn cảnh, mà đều bị phế ở trong chỗ cỏ mọc cây trùm. Ước vào hồi những năm 1906-1907, Trạo-hà Hòa thượng, thường gọi cụ Trạo, người mới tìm vào mở cảnh Hồ-thiên thì những chùa triền xưa đều tiêu tan hết, chỉ còn di chỉ mấy hòn đá tảng, một cái tháp đá xanh và một cái nhà bia trùng tu từ đời Vĩnh-hựu Hậu-Lê dấu kín ở trong những cây cao cỏ rậm. Người bèn cho đốn cây phá cỏ, nhân di chỉ mà lập nên được một ngôi chùa Hồ-thiên mới. Có đủ thượng điện, tiền đường, nhà tổ. Nhà nào cũng khá to rộng, vì ở đây sâu thẳm rừng núi rừng to lắm, nhưng đều lợp cỏ cả. Vì ở đây núi róc đường hẹp và không có đá xanh nên khó vận tải với ngôi vào. Từ đó thập phương thiện-tin mới lại biết đến cảnh Hồ-thiên mà vào chiêm bái. Từ đó Trạo-hà Hòa-thượng cho học trò ở lại coi cảnh Hồ-thiên và sang thắp hương cả bên tháp Phật hoàng ngọn Ngọ-ván.

Huyện lỵ Đông-triều là nơi thị trấn khá to lúc là Chợ Cột và là nơi đầu con đường vào Hồ-thiên, nên quanh năm đều có tao khách, Thiên-lãng và thiện tin vào tham thiền lễ Phật, nhân đường vào Hồ-thiên vừa gần vừa dễ đi vào hơn Yên tử. Tiếng « nam mô niệm Phật » của

khách thập phương, từ đó hằng ngày đến phá tan cái bầu không khí rừng xuôi tiêu điều, khiến cho nên một vùng cõi Phật cảnh Tiên vui vẻ.

Bỗng năm 1910, một toán quân Quốc dân đảng của Tàu lánh sang y chỉ ởng Đễ Thám rồi kéo đến đóng trạm trú ở chùa Hồ thiên Tiếp báo, các quan lĩnh Hải-dương cử binh về đánh thì toán quân Tàu ấy trút mắt. Song sợ chùa Hồ thiên lại làm nơi cho giặc giữ ẩn núp, nên các quan cho đốt chùa đi.

Sau khi chùa Hồ thiên của Trạo hà Hòa thượng trùng hưng bị đốt rồi, tôi vào Đông triều viếng nhữg nơi cỏ xát, gặp Hòa thượng là môn đồ sơn môn Yên ninh, Nam sách, chỗ đồng quận và chỗ lối từ nhỏ đã đi về vãn cảnh Hòa thượng bèn đưa tôi vào thăm cảnh Hồ thiên mới bị thiêu hủy.

Đường từ chùa Yên lâm ở Chợ Cột đi vào chùa Hồ thiên mất nửa ngày. Qua con đường cái độ 5, 6 cây số gần đồn Bến-châu thì rẽ vào đường núi. Bắt đầu đến suối thùm thùm, suối phân hai bậc, bậc dưới có cái lụng, nước bậc trên chảy róc xuống vang thành tiếng kêu như tiếng trống « thùm thùm ». Qua suối Thùm-thùm đến đèo Tiên nhóm, người đỉnh đèo có hòn đá to nhỏ ra như người đứng ẩn vào cánh cửa mà thò đầu ra trông khách đi vào. Qua đèo Tiên nhóm đến nơi bãi gọi Bãi-bằng, bãi rộng bát ngát thuần cỏ xanh không có cây. Qua mặt bãi đến suối, đó là chân núi Hồ thiên. Từ đó trở lên thuần đường dốc, nhưng người xưa đã xếp đá cuội thành bậc dễ đi. Đi độ hơn một giờ thì đến chùa, chùa ở lưng chừng núi chỗ nhỏ ra một bặt đất soai soãi. Từ đất chùa lên đến đỉnh núi đi ước hơn nửa giờ. Đỉnh núi này ước cao ngang với chùa Báo-xát bên Yên-tử. Còn kém Yên-tử cái ngọn chùa Đờng.

Xung quanh đất chùa có nhiều thứ lan, sồi, tùng, bách. Như phong-lan, phượng lan, hắc-lan, lan nhất-diêm, sồi trắng, sồi vàng. Tùng thì nhiều thủy-tùng cây to mà thẳng,

lá nhỏ mần-mắt mà mềm rủ xuống coi đẹp lắm.

Khi ấy chùa cháy mất cả, than do còn ngồn ngang, Hòa-thượng với tôi và vài vị thị-giả của Người nghỉ ở nhà bia là một cái nhà sây cuốn từ Vĩnh-hựu đời Hậu-Lê. Dựa núi cửa chùa, Hòa-thượng giởng đủ các thứ hoa mẫu mà tốt lắm, như đu đu, chè, đồ ván, cà-phê, ớt. Chiều hôm mới vào, Hòa-thượng thân đi hái đồ ván, đu-đu cho các bác làm trai; Người lại lấy giầy chân-chim tức giầy ngũ-gia-bì thái sáo qua nấu nước uống. Trong bài ca dưới đây những chỗ tôi nói: « **ngiên bầu** » là nước chân-chim đưng vào bầu cả, chứ làm gì có rượu mà thực tôi cũng không uống được rượu, chỉ là lấy coi điền sáo **thi tửu** cho có hứng đó thôi. Bữa cơm trai mà tôi được ngồi hầu Trạo-hà Hòa-thượng ở cửa nhà bia Hồ thiên, thực tôi còn nhớ đến nay, nó ngon lành một cách lạ. Tưởng đời tôi không có bữa yến tiệc nào ngon hơn và vui hơn. Ngồi ở đây, cái không-khi rừng núi nó trong sạch và mát mẻ theo những hương hoa cỏ cảm vào đến tâm can. Trông ra, xa xa những làng mạc đồng điền đến mấy huyện trước mặt nhỏ như vạc bàn cờ, núi Yên phụ, thành nhỏ thấp như cái thúng úp, gần thì từ địa núi cửa chùa sâu hoắm mãi xuống, rừng cây xanh ngắt, mây giáng quần-quyết vờ vẩn mờ màng, tiếng ve xâu nghe đĩnh tai, đàn cồng (loại khỉ to) truyền cảnh lạ mắt. Cơm trai tuy thanh đạm mà cảnh thanh đạo vị càng thanh, nên càng cảm thấy du khoái một cách khác thường.

Về rồi Hòa thượng bảo tôi soạn bài ca và vẽ một bức tranh phong cảnh đủ ba chùa Trạo-hà, An-lâm và Hồ-thiên vào hai vương vãi chúc báu. Viết bài ca lên tường trên, treo ở chùa An-lâm làm kỷ-niệm. Nay Trạo-hà Hòa-thượng lịch đã lâu rồi, cảnh Hồ-thiên có bà Ni là Đàm-Nhật học trò Hòa-thượng về lĩnh tu.

Tiết vừa chuốc chén hoàng hoa,

Trạnh niêm nhớ cảnh yên - hà cõi tiên.

Dục đồng xấp xỉa dù yén,
 Thong dong lên động Hồ-thiên thăm chùa.
 Thú đầu xuân cả lúc mùa,
 Càn khôn một cõi nào thua Động-đào.
 Trước đường cỏ đón hoa chào,
 Thùm-thùm trống xuổi, ào ào xênh thông.
 Đường mây nhẹ bước ruổi-rong,
 Tiên nhóm đã thấy bóng hồng xa xa
 Rộn mừng sớm hỏi dò la :
 « Chủ nhân trong ấy có nhà không, có ? »
 Cảm tình lưu mấy vần thơ,
 Nàng bèn chỉ lối, ta vó Bũi-bằng.
 Bụi trần rũ sạch láng láng,
 Quyết lên bề quế cung giăng phen này.
 Bầu giới gần đã đầu đây,
 Bầu ta tạm chuốc chén cay riêng mừng.
 Cung cầm tiếng địch vang lừng,
 Trên cây vượn hót, trong rừng ve kêu.
 Dưới khe nước chảy trong veo,
 Đá bàn nhàn nhàn lớp rêu xanh rì.
 Vịn cây vạch cỏ tìm đi,
 Nghìn trùng đá bạc, tứ-vi mây lờng.
 Lạ lòng thay thú Non Bằng,
 Có lên mới biết rằng ông tạo tài.
 Mấy vòng đường liệng vành gai,
 Dẫn chùa Một-mái đưng ngoài cửa hiên.
 Tài tình ngắm vẻ thiên nhiên,
 Thợ giới khéo tạc mái thiền cỏi con.

Thi-hoài như mở tấm sơn,
 Đẽ rồi theo rẩy đá hòn bước lên.
 Này đây là động Hồ-thiền
 Bàng khuáng cái gánh trần duyên nhẹ-
 nhàng.
 Bước vào đến chốn Phật đường,
 Ngạc-nhiên thấy sự phi-thường mà ghé.
 Than do lạnh lẽo tư bề,
 Biết bao quán nợ lâu kia tan tành.
 Rằng ngày hôm nợ giao bình,
 Cửa từ mà cũng « cháy thành vạ lây »
 Bạch sư hỏi hết niềm-táy,
 Gió thu đến cả chốn này kia ru ?
 Rửa bia xem chữ trùng-lu,
 Kề từ Vinh-hựu xuân thu đã nhiều.
 Chín tầng tháp đá kiêu-kiểu (cao cao),
 Đức vua ngự-chế, quan triều ghi tên.
 Người xưa cũng lắm công duyên,
 Bạt non khắc đá lo yên dân nhà.
 Hương thừa dầu cũ xem qua,
 Vô-vàn lộc tồ, hà xa cửa giới.
 Danh-hoa dị mộc bởi bởi,
 Đủ loài tàng-bách, đủ mùi chi lan.
 Trèo lên tuyệt-đỉnh làn làn,
 Cúi trông bốn cõi hải hoàn cốn-con.
 Tha hồ chỉ điểm nước non,
 Đây đà giậy sớm, đây còn ngủ say.
 Cuộc đời linh độ vẫn-soay,
 Đọc ngang này gớm những tay anh hùng.

Gió Âu mưa Á lạnh lòng,
Hỏi người trong cõi Lạc-hồng tỉnh chưa ?
Nước non hơn bốn nghìn xưa,
Mà trong bờ cõi bây giờ nhà ai ?
Lòng riêng riêng những bồi hồi,
Nghĩ công-đức ấy ngậm ngùi giờ lâu.
Thoắt thôi tay lại nghiêng bầu,
Mài thanh gươm tuệ, ngắm câu thơ thần.
Cây đan một cõi lần vắn,
Thái-hà năm vẻ dưới chân mịt mù.
Nam-nhi phi chi thi hồ,
Với non Yên tử, nhóm chùa Ngọa-vân.
Đông táy la liệt thánh thần,
Có thiêng phù hộ cho dân nước nhà.
Quyền-lâm, Lân-dộng, Am-hoa,
Bè từ ngạn giác kẻ là thiếu chi.
Nam-mô quảng đại từ-bi,
Độ người Nam khỏi sóng mê hội này.
Mấy phen ngậm vịnh tình say,
Tạ từ lại rón con gầy hạ san,
Lại về dưới cõi trần-hoàn,
Cổ vẻ quả phúc cho tròn cùng nhau.
Phật Tiên nào có xa đâu.

D. N. T.



GIẢNG KINH THẬP-THIỆN

(tiếp theo)

Lại nữa Long vương này ! nếu chưa được tội cấu dận tức thì được tám phép vui thích tâm lòng. Những gì là tám ? ..
1. Không có lòng tổn hại phiên nã ; 2. Không có lòng cấu dận ;
3. Không có lòng tranh dành ; 4. Trong lòng vui hòa thẳng thắn ;
5. Có tâm lòng từ bi như Phật ; 6. Thường làm sự lợi ích cho yếu lòng chúng sinh ; 7. Hình tướng đoan nghiêm, chúng cùng tôn kính ; 8. Vì có đức nhu hòa nhẫn nhục, siêu chóng được siêu sinh lên cõi phạm thiên (tức là cõi có đặt các bực thánh từ quả thứ ba trở lên ở) thế là tám. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo A lố da la tam niểu tam bồ đề, sau này thành Phật, sẽ chứng tới bậc vô ngại tâm như Phật, ai thấy cũng kính mến không chán.

10. CÔNG ĐỨC CHỮA ĐƯỢC TÀ KIẾN

復次龍王！若離邪見，
phục thứ long vương ! nhược ly tà kiến,
lại lần rồng vua ! bãng lia cong thấy.
Lại nữa Long vương ! nếu lia thấy lầm,
卽得成就十功德法。
tức đắc thành tựu thập công đức pháp,
bèn được nên tới mười công đức phép,
bèn được nên tới mười phép công đức,
何等爲十？一得眞善
hà đẳng vi thập ? nhất đắc chân thiện
gi bực làm mười ? một được thực lành
Những gì là mười ? một được ý vui
意樂，眞善等侶；二深
ý lạc chân thiện đẳng lữ ; nhị thâm
ý vui, thực lành bực bạn ; hai sâu
thực thiện, nhược bạn thực thiện ; hai tin

信 因 果, 寧 捨 身 命, 絲
tin nhân quả, ninh xả thân mệnh, chùng
 tin nhân quả, thà bỏ mình mạng, chọn
 sàu nhân quả, thà bỏ thân mạng, chọn
 不 作 惡; 三 惟 歸 依 佛.
bất tác ác; tam duy quy y Phật,
 chẳng làm ác; ba búi về nương Phật,
 chẳng làm ác; ba chỉ quy y Phật,
 非 餘 天 等; 四 直 心 正
phi dư thiên đẳng; tứ trực tâm chính
 chẳng phải thừa trời bực; bốn thẳng lòng ngay
 không quy các trời khác; bốn thẳng lòng
 見 永 離 一 切 吉 凶 疑
kiến, vĩnh ly nhất thiết cát hung nghi
 thấy, giải lia một thiết tốt xấu ngờ
 thấy đúng, lia hết thầy lưới ngờ, tốt
 網; 五 常 生 人 天, 不 更
võng; ngũ thường sinh nhân thiên, bất cánh
 lưới; năm thường sinh người trời, chẳng lại
 xấu; năm thường sinh cõi người cõi trời, không lại
 惡 道; 六 無 量 福 慧, 展
ác đạo; lục vô lượng phúc tuệ, triển
 ác đường; sáu không lường phúc sáng, mở
 đạo ngã ác; sáu không biết bao phúc tuệ, lần
 轉 增 勝; 七 永 離 邪 道,
chuyển tăng thắng; thất vĩnh ly tà đạo,
 quay thêm được; bảy giải lia cong đường,
 lướt càng thêm; bảy lia hẳn đường tà,

行 於 聖 道 ; 八 不 起 身
 hành ư thánh đạo ; bát bất khởi thân
 làm chung thánh đường ; tám chẳng giẫy mình
 làm chung đạo thánh ; tám chẳng nổi cái tính chỉ
 見 捨 諸 惡 業 ; 九 住 無
 kiến, xả chư ác nghiệp ; cửu trụ vô
 thấy, bỏ mọi ác nghiệp ; chín ở không
 biết mình, bỏ mọi nghiệp giữ ; chín yên ở vào nơi thấy biết
 礙 見 十 不 墮 諸 難 是
 ngại kiến, thập bất đọa chư nạn thị
 ngại thấy, mười chẳng rơi mọi nạn ấy
 vô ngại ; mười không mắc các nạn, ấy
 爲 十 若 能 廻 向 阿 耨
 vi thập. nhược năng hồi hướng a lốc
 làm mười. bằng hay quanh ngoảnh a lốc
 là mười. Nếu hay hồi hướng cầu
 多 羅 三 藐 三 菩 提 者
 đa la tam riều tam bồ đề giả,
 đa la tam riều tam bồ đề ấy,
 đạo chính đỉnh tốt bậc ấy,
 後 成 佛 時 速 證 一 切
 hậu thành Phật thời, tốc chứng nhất thiết
 sau nên Phật lúc, chóng chứng một thiết
 sau thì thành Phật, mau chứng được hết thầy
 佛 法 成 就 自 在 神 通
 Phật pháp, thành tựu tự tại thần thông.
 Phật phép, nên tới từ ở thần xuất.
 phép Phật, về thành thần thông tự tại.

Lại nữa, Long-vương này ! nếu trừ được tà kiến, tức thì được mười công đức về pháp. Những gì là mười ? 1. Được nhiều công đức thiết là thiện là thích ý, và được các bề bạn thiết là thiện ; 2. Tin sâu lẽ nhân quả, thà liều bỏ mạng, quyết không làm sự ác ; 3. Chỉ quy y Phật không quy y chư thiên khác ; 4. Tâm địa thẳng thắn kiên thức chính đĩnh, trừ sạch hết thầy những sự tốt xấu ngờ vực nó chối chằng ; 5. Thường sinh lên cõi thiên cõi nhân, không bao giờ lại đọa vào ngã ác ; 6. Biết bao nhiêu phúc tuệ, càng ngày càng tăng thêm ; 7. Tuyệt hẳn lỗi tà, chăm làm đạo thánh ; 8. Không cố chấp ngũ uẩn là mình là của mình, bỏ hết mọi ác nghiệp ; 9. Yên ở vào nơi chính kiến ; 10. Không bị các sự khổ nạn, thế là mười. Nếu đem công đức ấy, hồi hướng cầu đạo A lốc đa la tam riều tam bồ đề, sau này thành Phật sẽ mau chứng được hết thầy mọi phép của Phật và được thần thông tự tại nữa.

D. CÁC CÔNG HÀNH CAO QUÝ NHẤT BỞI MƯỜI NGHIỆP THIỆN TẶNG LÊN

(chia làm ba phần)

1. NÓI RÕ PHÉP TU LỤC-ĐỘ (chia làm hai)

爾 時 世 尊 復 告 龍 王

nhĩ thời thế tôn, phục cáo long vương

vậy lúc đời cao lại bảo rồng vua

Bấy giờ đức Thế tôn, lại bảo Long vương

言： 若 有 善 薩 依 此 善 業

ngôn : nhược hữu bồ tát, y thứ thiện nghiệp,

nói : bằng có bồ tát, nương ấy lành nghiệp,

rằng : Nếu có bồ tát nào, nương nghiệp lành ấy,

(còn nữa)

TÂY - VỤC KÝ

(tiếp theo)

Sau khi ngài Chúng-Hiền tịch rồi, người ta xây tháp thờ ở trong rừng Au mật-la, bây giờ cũng hầy còn.

Bên rừng lại có một cái tháp là chỗ ngài Vô cữu xưng Luận sư thạc ở đó (lì mặt la mật da la). Luận sư nguyên người ở nước Ca thấp đi la, chuyên về bộ « Nhất thiết hữu », chu du 5 xứ Ấn-độ, học thông cả tam tạng. Khi trở về nước, đến tháp ngài Chúng Hiền, nghĩ đến công nghiệp chước thuật chưa được vẻ vang mà đã mất rồi lấy làm cảm thương lắm, mới tự thề rằng : « quyết lại làm các luận-án, phá tan cái nghĩa Đại-thừa, tiêu diệt cái danh-dự của Thế-thân Bồ-tát, khiến cho ý-chỉ của các Luận-sư được lưu-truyền mãi mãi ». Vừa thề rút lời, tự nhiên tâm-trí bối rối, lưỡi chật ra ngoài, máu tươi phun khắp mình mẩy. Tự biết cái khổ báo ấy là vì lòng tà-kiến, mới viết tờ sám-hối, khuyên các bạn đồng học chớ bàng hồ Đại thừa. Viết xong bức thư thì tắt hơi. Chỗ chột đất sụt xuống thành cái hố rất sâu.

Trong nước có một vị đại-dức, tên là Mật-da tư-na, tuổi ngoài 90, tức là đệ-tứ ngài Đức-quang Luận-sư, thông hiểu cả Tam-tạng.

Pháp sư mới đình lại hơn 4 tháng để học các bộ như : Tát-bà-đa, Đất dóa tam đệ thước luận (tức là bộ Biện-chân-luận của ngài Đức-quang làm 25000 bài tụng) và Tỳ-phát-trí luận, vào vãn..

Từ đó đi về phía Bắc hơn 30 dặm, đến nước Ba-la hấp-ma bồ-la (Trung Ấn-độ) Lại đi về phía Đông-nam, hơn 400 dặm, đến nước Kê-xiết đất-la.

Lại đi về phía Nam hơn 200 dặm, qua sông Căng-giá rẽ về Tây nam, đến nước Ti-la-ua-noa.

Lại đi về phía Đông, hơn 200 dặm, đến nước Kiếp-tí tha.

Về phía Đông ngoài thành hơn 20 dặm, có một ngôi chùa lớn. Trong chùa có tượng Tam-bảo, xây ở

thêm, 4 mặt Nam, Bắc, Tây, Đông, tức là chỗ xưa kia Phật lên cung trời Đao-lợi thuyết pháp cho mẹ là Ma-gia phu-nhân xong, trở về châu Nam-thiền. Vết chân thứ nhất đứng vào chỗ đó. Giữa xây bằng vàng, bên tả bằng thủy tinh, bên hữu bằng bạc. Đức Như-lai hóa ra một nhà Thiệu-pháp-đường, cùng thiên chúng đi xuống. Phật đi thêm giữa, Đại phạm thiên-vương cầm cái phất-trần trắng đi lên thêm bạc. Ông Thiên Đế thích cầm bảo cái đi bên thêm thủy tinh. Lúc đó có hàng 100 hàng 1000 thiên chúng và các Đại Bồ-tát theo hầu xuống trần. Mấy trăm năm trước, còn rõ thêm bạc, bây giờ mất hết. Các vua đời sau, cảm mộ công đức, mới mô phỏng dấu vết cũ, xây đá lát gạch, lại điểm thêm các thứ vàng ngọc vào, thành một cái nền cao hơn 70 thước, trên làm một căn « tinh xá », trong có tượng Phật, hai bên có tượng Thích Phạm vương đều tạc bằng đá cẩm thạch. Bên có cái cột chụ bằng đá, cao 7 trượng, do vua Vô-ưu dựng nên. Bên đó lại có cái nền nhà bằng đá, giải hơn 50 bước, cao 7 thước, tức là chỗ Phật kinh hành ngày xưa.

Từ đó đi về phía Tây bắc, độ 200 dặm, đến nước Yết-nhuộc cúc-xà.

Nước ấy chu vi hơn 400 dặm, phía Tây kinh thành giáp sông Căng-già, giải hơn 20 dặm, rộng 5, 6 dặm, có hơn 100 ngôi chùa, Tăng đồ hơn vạn người, học cả Đại Tiểu thừa. Vua nước ấy là giống họ Phật-xà, tên là Hỉ-tăng (Hạt lợi sa phật đàn na) cho tên là Tác-tăng (Ba-la-yết-lê-đàn-na), anh trước là Vương-tăng (Át la sà phật đàn na). Hỉ-tăng làm vua nhân từ, người nước đều ngợi khen. Bây giờ có nước Yết-la-noa tôn-phật-thích-na ở phía Đông Ấu-độ. Vua nước ấy là Thiết-thương-ca-vương, thấy vua Tăng-hỉ nhân từ, sợ hai đều nước mình, sinh lòng ghen ghét, đánh lừa giết mất. Viên đại thần là Bà-ný và các quan, cảm

thương dân sinh vô chủ, mới cùng nhau lập ông Giới-nhật (Thi-la-a-điệt-đa) lên làm vua, nối giới nghiệp cũ. Vua Giới-nhật là một người anh hùng vô-dịch, mưu tính sâu sà, đức động trời đất, nghĩa cảm nhân thần, cho nên mới rửa được thù cho anh, thống trị cả xứ Ấn-độ, oai phong đến đâu, lễ giáo thấm tới, đều quy phục hết. Thiên-hạ đã định, dân gian đã yên, vua mới xếp việc cau qua, gây rừng việc phúc Ban sắc cho tất cả trong nước, cấm không được sát sinh, hết thấy mọi người, phải kiêng thịt cá. Chỗ nào có thánh tích, đều làm chùa thờ, mỗi năm cúng khắp chư tăng trong 21 ngày. Năm năm mở một hội « Vô già », bao nhiêu tiền của trong kho, đều đem bố-thí hết. Xét đến sự hành vi của vua, thực cũng một giống như ngài Tu-dại-noa vậy.

Về phía Tây-bắc thành ấy có một cái tháp, cao hơn 200 thước.

Về phía Đông-nam ngoài thành, bên sông Căng-già có một cái tháp cao hơn 200 thước, đều do tay vua Vô-ưu xây lên mà đều là chỗ ngày xưa Phật thuyết pháp cả.

Pháp-sur vào trong nước, vào ở chùa Bạt-đạt-la-ti-ha-la, ở lại 3 tháng, y Tê-na Tam-ạng Pháp-sur học xong bộ « Ti-ba-xa » và « Việt-chu Ti-ba-sa ».

IV. Khởi từ nước A-Thâu-Đà đến nước Y-Lạn-Noa

Từ nước Yết-nhã-cúc-xà đi về phía Đông-nam, chừng hơn 600 dặm, qua sông Căng-già đi về phía Nam đến nước A-thâu-đà (Trung Ấn-độ).

Trong nước có hơn 100 ngôi chùa, Tăng đồ 2, 3000 người, học cả Đại-Tiểu thừa.

Trong thành lớn có ngôi chùa cũ, là chỗ ngài Thế-thân Bồ-tát (Phật-tổ-bản-đức) làm các bộ Luận về Đại thừa, Tiểu-thừa và giảng kinh cho chúng nghe ở đấy.

Về phía Tây bắc ngoài thành chừng 4. 5 dặm, giáp sông Căng già, có một ngôi chùa lớn. Trong chùa có một cái tháp, cao hơn 200 thước, do vua Vô-tru xây lên, tức là chỗ ngày xưa Phật thuyết pháp 3 tháng ở đấy. Bên đó lại có di tích của bốn đức Phật quá khứ kinh hành nữa.

Về phía Tây nam, cách xa thành chừng 5. 6 dặm, có một ngôi chùa cũ, tức là chỗ ngài Vô-chước Bồ-tát (A-lăng-già Bồ-tát) thuyết pháp ngày xưa. Bồ-tát đem thi lên cung Đồ-sử-đa, học ngài Từ-thị Bồ-tát các Luận như: Du-già luận, Trang-nghiêm đại-thừa luận, Trung-biên-phân-biệt-luận v v... ngày thi thuyết pháp cho chúng nghe. Bồ-tát là người nước Kiện-đá-la, sau khi Phật tịch 1000 năm ngài mới ra đời. Lúc mới xuất-gia, theo về bộ « Di-xa-tắc ». Sau tin đạo Đại-thừa. Em ngài là Thế-thân Bồ-tát, xuất-gia về bộ « Nhất-thiết-hữu », sau cũng tin đạo Đại-thừa. Hai anh em đều có đủ tư chất thánh hiền, có tài chước thuật, làm nhiều bộ Luận, giải thích nghĩa Đại-thừa, làm mực thước bên Ấp-đô. Như những bộ: Nhiếp đại-thừa luận, Hiền-dương thánh giáo luận, Duy-thức luận, Câu-xá-luận, v. v. đều là chính tay ngài viết ra cả.

Pháp-sư lễ các nơi thánh-tích ở nước A-thâu-đa rồi, cùng hơn 80 người, thuê thuyền xuống sông Căng-già, thuận buồm về đông, định sang nước A-mục-già. Thuyền đi hơn 100 dặm, trông lên hai bên bờ sông đều là rừng cây A-thâu-già, rậm rạp lạ thường.

Bỗng thấy bên bờ sông có hơn 10 chiếc thuyền kẻ cướp bơi ra, mọi người trong thuyền đều sợ khiếp ngã nhào xuống mất mấy người. Quân cướp bắt trèo thuyền vào bờ, lột hết quần áo, lục lợi hết tiền của.

Nguyên tội cướp ấy, vốn thờ Đột-già thiên thần, hằng năm cứ đến mùa thu, tất kiếm một người nào đẹp trai, giết thịt tế thần để cầu phúc. (còn nữa)

Lịch-sử Nho-thần nhà Đường

SÙNG THƯỢNG TAM-BẢO

1. Hàn Dũ. — Hàn dũ hiệu là Xương lê, làm quan Hình bộ thị lang đời vua Ý-tôn. Niên hiệu Nguyên hòa thứ 14, vua Ý-tôn rước ngọc cốt vào cung cấm cúng dâng, ngọc cốt phóng hào quang sáng rực cả cung điện. Ông Dũ cho là điềm quái gỡ, bèn dâng sớ bài báng Phật đạo. Vua xem bài ấy nổi giận lời đao, bèn ghép vào tội nghịch quân phải chết, may được quan Thừa-lương là Bửu đồ và triều thần hết sức can gián mới khỏi chết, nhưng còn phải giáng cấp ra trấn thủ Trà-câu. Ra ở Trà-câu được ít lâu, nghe thấy đại danh của ngài Đại diện bảo thông thuyền sư, rồi ba bốn lần viết thư mời vào ở phủ đường để hỏi đạo. Một hôm bôi đến chỗ rớt giáo của đạo Phật. Đại diện cứ ngồi lẳng lẳng không nói chi cả, ông rất lấy làm bối rối bỏ về, bấy giờ có ông Tăng tên là Tam bình đứng hầu bên cạnh, liền gõ xuống Thuyền tọa (tòa ngồi thuyền) một cái. Ngài Đại diện hỏi làm gì thế? Đáp: « Bạch Hòa-thượng xem cái cơ duyên của Hàn công hỏi ấy, thì trước phải dùng định mà đánh đổ tâm khinh mạn, rồi sau sẽ dùng trí để nhổ hết gốc cội hồ nghi, thì mới có thể hiểu được đạo nghĩa rất ráo ». Hàn công nghe Tam bình nói, tỉnh ngộ ngay, liền ra bài tạ bạch rằng: « Môn nhân của Hòa-thượng, cũng là bác đạo cao đức lớn, tôi hỏi đạo ở Hòa thượng thành ra nhờ ở môn nhân mà hiểu biết ». Từ đấy về sau Hàn-dũ cung kính Đại diện như thầy, sau được ân xá về làm quan thứ sử ở châu Nhuận, có đem đến một cặp áo để làm lễ vật cúng dâng từ biệt Đại diện Hòa thượng liền làm ngay cái đai riêng để kỷ niệm cặp áo ở chùa Linh sơn, tức gọi là Lưu y đình (留衣亭) là có ý để cho đời sau biết bài báng Phật pháp đến như Hàn Dũ, mà lúc được nghe giáo lý, cũng còn tỉnh ngộ mà kính phục, huống chi là người không đến nỗi như Hàn-Dũ tr!

Đến đời nhà Tống, ông Chu-liêm-Khê đi chu du đến Tào-châu, vào chùa Linh-sơn, tìm hỏi các dấu tích của ngài Đại-diên, thì thấy mấy bức thư của Hàn-Dũ gửi đến đàm đạo với ngài Đại-diên, cùng là cặp áo để ở Thuyền-đình, có đề bài thơ bình phẩm Hàn-Dũ rằng :

*Thoái-chi tự vị như Phu-lữ,
 Nguyên-dạo thâm bài Thích, Lão phi.
 Bất thức Đại-Điền hà tự giả,
 Sở thư trân trọng cánh lưu y.*

退之自謂如夫子,
 原道深排釋老非。
 不識大顛何似者,
 數書珍重更留衣。

DỊCH :

*Hàn - Dũ tự xưng ngang Khổng tử,
 Bài Nguyên-dạo báng dèm Thuyền, Lão.
 Đại-Điền chẳng biết ngang ai nhỉ ?
 Mà phải đáng thư cùng để áo.*

2. Trương-Truyết. — Một hôm Trương-Truyết đến chùa Thạch-xương thỉnh cầu ngài Chử Thuyền-sur giảng bản đạo-lý. Thuyền-sur hỏi : Ông tính danh là gì ? — Đáp : « Bạch Thuyền-sur, tôi họ Trương, tên Truyết ». Thuyền-sur nói : « Chử Truyết nghĩa là vụng, nhưng hết sức tìm cái khéo không được, thì cái vụng ở đâu mà ra ? » Ông nghe lĩnh ngộ ngay, trình kệ rằng :

*Quang minh lịch chiếu biển hà sa,
 Phạm thánh uy linh cộng ngã gia.
 Nhất niệm bất sinh toàn thể hiện,
 Lục căn tái động bị vãn da.
 Đoạn trừ phiền não trùng lãg bệnh,
 Su hướng chân như lồng thị tà.
 Tùy thuận chúng duyên vô quả ngại,
 Niết-bán, sinh, tử đặng không hoa.*

光 明 寂 照 徧 河 沙;
 凡 聖 滅 靈 共 我 家;
 一 念 不 生 全 我 現;
 六 根 纒 動 被 雲 遮;
 斷 除 煩 惱 重 增 病;
 趨 向 真 如 總 是 邪;
 隨 順 眾 緣 無 罣 礙;
 涅 槃 生 死 等 空 花。

DỊCH :

*Bền lòng ẩn hiện cõi hà sa,
 Phạm thánh tuy thiêng cũng ở ta.
 Một niệm như soi đầy tinh tướng,
 Sáu căn sạch động nổi phong ba.
 Cắt dây phiền não càng thêm khổn,
 Tìm lối chân như khéo lạc tà.
 Tùy cảnh, tùy duyên không quái ngại,
 Niết-bàn, sinh, tử mới mong qua.*

3. Bạch-cư-Dị. — Hiệu là Hương-sơn cư-sĩ làm quan đến Ninh-bộ thượng-thư, được chân truyền tâm pháp ở ngài Phật-quang-Mãn thuyết-sư, lại bẩm thu kim-cương bảo giới. Một ngày đến hội đạo ngài Ô-sào Hòa-thượng, đi thấy đường lối kỳ khu khuất léo, ông rất lấy làm ghê rợn, khi đến nơi hỏi rằng : « Sao Thuyết-sư ở chốn này nguy hiểm thế ? » — Đáp : « Có khi Thái-thú còn nguy hiểm gấp mấy kia ! » Ông nói : « Tôi có quyền cai trị cả giang sơn này, thì có cái gì làm nguy hiểm được ? » — Đáp : trong tâm Thái-thú, lúc nào cũng như lửa củi chất đống; thức tỉnh lúc nào cũng sôi nổi, thế có nguy hiểm không ? Ông lại hỏi : Bạch hòa thượng, « thế nào là Phật pháp đại ý ». — Đáp . « chư ác mạc tác, chúng thiện phụng hành ». Ông nói : « trẻ con ba tuổi cũng nói được như thế ». — « Phải, đứa trẻ con ba tuổi cũng nói được như thế thực, nhưng mà làm được hoàn toàn như thế, thì ông lão 80 cũng chưa chắc ». Ông nghe rất lấy làm tâm phục, lễ tạ ra về.

4. Đê-hồng-Tiêm. — Làm quan Tề-tướng triều vua Túc-tôn, tài kiêm văn vũ, lại có công dẹp loạn, trở nên là bậc đệ nhất công thần đời ấy. Ông vốn là một nhà đời đời thờ Phật. Khi ra trấn thủ Mạnh-châu, khiến gia nhân đem thơ đến núi Bạch-thối, mời ngài Vô-tru thuyền-sư vào thành tham bỗ đạo lý, tôn trọng Vô-tru thuyền-sư như thầy, đến tuổi về hưu, lưu tâm tu luyện. Bỗng một hôm, lâm gọi sách sē, mặc đồ triều phục, ngoài lại mặc tấm áo cà sa và cạo râu tóc, thung-dung ngồi đọc kinh sám hối, rồi theo phép Bồ-lát, phẫn hóa (thiền thân) mà đi

5. Lý-cao. — Khoa thi đỗ đến Tiến-sỹ, hoạn thì làm đến bậc Bác-sỹ, bình nhật rất lấy làm kính mến đạo đức, phong-nhã của ngài Duy-nghiêm thuyền-sư. Một hôm vào núi Dược-sơn cầu bần đạo lý, khi đến nơi, thành kính vái chào mà thuyền sư cứ ngồi lẳng lặng, không nói không rằng. Ông bất-giác thở dài mà rằng : « Ngày nay thấy mặt, chẳng bằng ngày trước nghe tên », nói rồi vung văng đi ra một mạch, bấy giờ thuyền-sư mới cất tiếng gọi, ông bèn quay đầu lại. Thuyền-sư nói : « sao ngài lại quý tai nghe mà khinh mắt thấy ? ». Ông liền cúi đầu vái hỏi : Bạch Thuyền - sư, thế nào là đạo ? Thuyền-sư lấy ngón tay chỉ lên giới, lại chỉ vào cái bình nước.

— Bạch Thuyền-sư « tôi chưa hiểu ý chỉ ngài nói ». Đáp : đạo cũng như mây giữa giới xanh, nước ở bình, ông nghe câu ấy mới lĩnh ngộ, bèn dâng bài kệ rằng :

Luyện đắc thân hình tự hạc hình.

Thiên châu từng hạ lưỡng hàm kinh.

Ngũ lai vấn đạo vô dư sự,

Vân tại thanh thiên thủy tại bình.

缺	得	身	形	似	鶴	形.
千	株	松	下	兩	函	經.
我	來	問	道	無	餘	事,
雲	在	青	天	水	在	壺.

DỊCH :

*Luyện thân trong cảnh thanh tu,
Bóng tùng khỗi đá và pho kinh vàng
Đầy người học đạo la thường.*

Tinh như mây bạc, tâm như sóng nước trong.

6. Lục-Cảng. -- Khi ông làm quan ở châu Tri thờ ngài Nam-tuyền thuyên sư làm thầy. Một hôm hỏi thuyên sư rằng : « Người xưa bỏ con ngan nhỏ vào trong cái hồ nuôi, tới khi con ngan lớn lên, không thể chui ra được nữa, nay muốn đập cái hồ cho nó ra, làm thế nào đập cái hồ vỡ. mà con ngan không chết ? »

Thuyên-sư liền cất tiếng gọi : « Cảng-dại-phu ». Ông cũng liền cất tiếng thưa. Thuyên-sư nói : « Thế là con ngan ra rồi ! » Ông nghe liền tỉnh ngộ, lẽ tạ ra về.

7. Quan Tướng quốc là Bùi-biểu -- Ông Bùi vốn là một nhà gia thế thờ Phật, xuất đời không ầu thịt uống rượu. Một hôm tự nhiên ôm một pho tượng Phật đến quý trước ngài Hoàng-bách tổ-sư, bạch xin đặt tên cho. Tổ sư liền cất tiếng gọi « Bùi Hư » ông liền dạ. Tổ-sư bảo : « thế là đặt tên cho ông rồi đấy ». Ông được nghe lời bí ngữ nhiệm mầu ngộ được đạo ngay.

8. Lý-thái Bạch. -- Năm viên hiệu Thiên-bảo ông đến chơi Tràng-an, vào yết kiến ông Đá-tri-Chương. Ông nghe vẫn chương ngâm ngợi than rằng : « Người nay thực là trích tiên « 謫仙 » đây, liền tiễn ông Bạch lên vua Huyền-tôn, vua rất lấy làm yêu quý, sai đặt yến thiết ở điện Kim-loan, vua tự thân đi hòa yến vi, trong kho đường yến tiệc thì hạ lệnh chiêu cử ông Lý sung Hán-lâm viện. Ông Lý tự tay pha bột vàng bạc vẽ thành bản đồ cực-lạc và viết các bài tán tụng.

9. Trương-ma-Cật. -- Ông là một bậc văn chương rất uyên thâm, thư pháp rất kỳ dị, nổi danh hào hùng thời bấy giờ, các bậc vương công đều kính như bậc thầy, bạn. Ông đỗ tiến sĩ năm niên hiệu Khai-nguyên, làm quan đến bậc thượng-thư, mà rất dốc kính Phật pháp,

bao giờ cũng chỉ mặc áo vải, ăn cơm rau, vợ chết sớm mà không chịu tái thũ, hóa dinh thự ở cửa mình ra làm chùa để tu trì.

10. Trương-Bật. - Khi mới lên sáu tuổi đã nổi tiếng thần đồng văn chương, vua nghe tiếng, cho vời vào triều đình, thì quả nhiên đồ cao. Tuy tuổi nhỏ mà triều-đình cử làm quan Triêu-tân-lang. Ông là người bần tính sùng tín Phật pháp, tự tay làm ra sách Thích-ca tượng ký (釋迦像記) và sách Thích-ca thành đạo ký (釋迦成道記).

Kể ra còn nhiều các bậc danh thần sùng tín Tam-bảo, nhưng mười ông kể trên là những bậc được hoàn toàn cả, đạo đức, tiết nghĩa, văn chương, sự nghiệp, mà lại học Phật đến chỗ minh tâm, kiến tánh, chứng đạo về tôn, thực đáng làm kim chỉ nam (指南) cho muôn đời vậy.

Sa-môn : Tổ-Liên

TU NIÀ CHĂNG PHẬT CÙNG TIỀN

Tỉnh Thiểm-tây (Trung-quốc), huyện Hàm-dương, thôn Đại-nguy, khi xưa, có ông Trọng-dương, võ-cử xuất thân, vì cảnh bần hàn, ông quay ra bán hàng thịt cạnh vách nhà ông có ông Vương-mã cực kỳ hào-phú, sẵn lòng cúng dâng chư tăng riêng có Viện-chi-đề, để sớm tối ông bà dâng hương lễ Phật nghe giảng.

Một hôm có hai vị tiên ở núi Chung-nam, thấy phía thôn Đại-nguy, thường có làn mây trắng đùn lên, hai ông tiên bảo nhau chắc phương đó có khí thần tiên thì phải. Hai ông trá bình làm lũ khát-thực ra đi, vào ngay cổng nhà ông Vương-mã, léo nhéo kêu xin, bọn người nhà Vương-mã ủa nhau xua đuổi, hai ông lại cứ sấn gần vào, nóng tiết chúng thì lũ khát-thực tránh sao khỏi thân đòn vọt. Ấm ỹ sớm riêng, ông chủ giàu vội ngó ra xem, chẳng thì-bỏ lại thêm riếc rửa thậm tệ, bọn ăn xin lải nhải nào có quay ra.

- Thừa cụ, tiếng đồn xa cụ là người đạo đức hay cúng dâng các sư, bớ thì kể đối khát, chúng tôi mới

giám đến xin ăn, sao cụ nõ chủ? Vương-mã .đừc đực gì? Càng sư chủ cúng đồ bị gậy à? chưa bảnh mắt đã lần vào kêu ca xéo xéo.

Thế là hai ông bị lời xềnh xệch với tiếng đen đét nó tiếp thêm, tha hồ oản oài với mếu máo.

Ông Vương-trọng-dương cạnh nhà nghe tiếng khóc than, lên ra cửa ngõ thấy hai ông ăn xin tởm tã nhem nhuốc, thâm tím mặt mày. Tắc lòng ai mẫn, Trọng-công thỉnh khách vào nhà, câu truyện chưa dứt nổi bần khoả, thì đã mồm chén bưng lên ngàn ngút. Chủ khách no say, hai vị khách vài xin từ biệt, nhưng ông chủ có nghe đâu, cố nèo khách nghỉ đây đêm nay đã, sáng hôm sau thù tạc vừa xong, hai ông lại cầm ơn xin cáo thoái.

Trọng-công. — Giời ôi! đang lúc gió may buốt óc, tuyết lạnh thấu xương, bộ cánh xơ mướp kia, chỉ chịu nổi với khuôn giời tẻ tái, thôi ehả mấy ít nữa, có ánh sáng soi suốt, rõ lối khô đường sẽ hay các ông ạ. Câu truyện nửa với, hai khách nần nì đánh tháo.

— Thưa ông giời ấm áp rồi, cho phép chúng tôi đi kéo muợn, ông chủ lại cố tình nài ép: hai ông ở lại chơi với nhà em, kéo băng khuàng gia.

— Ấy chết nỗi, ông có giàu như cụ Vương-mã bèn kla đầu, mà hai tôi giám phiền quá vậy? miếng ăn còn mảnh mặ, thôi ngài rộng cho khi khác chúng tôi sẽ lại quấy rầy mà...Trọng dương nét mặt tỏ buồn: xin hai ông cứ yên chí chơi với em mười bữa đã.

Hai khách thấy mối tình khăng khít, khó nổi ra đi, bèn ở tạm chiều lòng người có nghĩa. Qua mười bữa, loanh quanh nửa tháng, lần quần ngót nửa năm, không dứt ra về động đợc.

Lần này bất đắc dĩ chủ phải đề khách rời chân.

Trọng-công — Không giữ đợc người đi, thì em thành tâm biếu hai ông món tiền làm lộ phí.

Chẳng chối đợc, khách phải cầm tiền, chủ ống tiền

khách khỏi sản, lại hỏi đốc thời: chứ bai ngài định về đâu với thế?

— Thưa, chúng tôi quê xa muốn dặm về núi Chung-nam, qua sông Vi, lại quặt vào đường rừng còn hiểm trở lắm kia ạ. Trọng-dương thấy nói đến cảnh núi non ra chiều ưng ý lắm, bèn lộn về giạt thêm tiền, nhất định đưa chân khách, muốn đến đâu thì đến. Hai khách van lơn xin chủ trở lại mà Trọng-công giá tăng câu truyện góp vẫn giải, chân theo vẫn giặc.

Hai ông tui thảo nói với nhau rằng người này nghèo mà mẫn đạo, xét tâm-căn có cốt-cácn tiên-ban thì ra cái bạch-khí xung thiên kia, diễm hóa vào người này, phải lắm, nay bản quyết theo ta, thì ta cho hấu chén rượu là được, bản thăm rồi hỏi:

Thưa chủ-ông trở về buôn bán, vì cuộc đời hoạt động mới hay, tôn-ông theo lũ bản-tiện này hôm nay quả vô ích cho tôn ông lắm ạ.

— Thưa hai ngài sao tôi không hiểu, thiết tưởng ở đời thù chi bằng sắc đẹp? sướng chi bằng cảnh giàu? oai chi bằng cờ biển? mà lòng này coi vẫn rừng rừng, lạ thay ời gặp hai ông, lòng tôi mê mẩn, như người đời họ say gái, hay vì kiếp xưa duyên khế sao đây.

— Vâng, chúng tôi được tôn-ông cứu dúp, ơn huệ này còn có giới cao, nay anh em tôi hẹn thực cùng ông, đúng mồng ba tháng ba sang năm lũ bản-tiện lại có rịp vào quấy ông bà phen nữa đấy.

— Không, rịp nào rịp này, hai ngài cứ hòa-âm cho em đưa chân về đến quý quán.

Tuy cảnh rong đường mà vui như tết, bỗng đến sông Vi, có rịp cầu mát mẽ làm sao! nghĩ châu tỳ đã, một ông sẽ moi bầu rượu trong bụng ra, rót một chén mời Trọng-ông uống.

Trọng-công ngạc nhiên, thoảng mũi thơm lạ chưa nhấp đã như say, nghĩ thầm rằng quái thật! khi họ bị nạn chỉ ở với mình, mà từ hôm đi đến đây, lúc nào mình cũng ám riết, thể rượu đầu mà chứa ở trong người? lại nóng hôi hổi.

Trọng-dương tộp luôn ba tộp, khoan khoái lạ thường
trông bay lên được ; mới hỏi rằng :

— Thưa hai ngài rượu ở đâu mà quý vậy? mà lại ở
nợc ra ?

— Ấy chúng tôi học được cách nấu rượu ở ngay trong
bụng ạ !

Trong-công lúc này chân tay bầy rầy, mắt lại lim rím
thì hai ông khuyên rằng :

— Ngài say quách rồi, nghỉ đây nhá, đừng đi nữa kéo
gió nhá.

Bỗng đầu nổi trán giông tố gió mây cuốn sạch vết
thần tiên Rượu ngon làm khách tục ly bì, lẫn kênh bên
cầu rồi cứ thế mà khồng khộc.

Sau hôm đi, vợ con Trọng-công, ở nhà mong mỏi. Cứ
biệt tâm hơi, chỉ theo hai ông lão ăn xin rồi mất tích,
Cùng nhau chia ngã đi tìm, một hôm chợt đến bên cầu,
tiếng reo rầm rĩ « ông đây bà ạ » túm tít kẻ gọi người lay,
dở hễ ông này nhóc nhách, kết cục chúng phải khiêng
ông thần ngủ về nhà, mớ người vẫn nóng vẫn mền, vẫn
kéo gỗ khỏe, vợ hú hồn, con gọi vĩa, hết khóc lại kêu :
« các bà các ông ơi ! thầy cháu ngủ một giấc mấy ngày
nay còn đêm không kể ». Đến hôm sau hơi men như đã
loảng, ông vươn vai dụi mắt ra nhìn : « Ô hay ta về bao
giờ thế? » Bà : xướng nhi ! mấy ông bạn quý đi uống nữa
thôi, tý nữa mới xông mới xông cầu Vị.

Ông bèn trọn thuật lại chiêm bao cho vợ nghe.

Sao mà ta theo hai lão ấy đến ngọn Đông-hải rồi vào
một ngôi chùa, cửa chùa có hồ, dưới hồ này bầy dóa
hoa sen, nhio không chấu mắt. Vợ : hừ...rồi gì nữa ? Lặng
yên mà nghe nào, thế rồi 2 ông ấy chỉ vào bầy dóa hoa
mà bảo rằng...đây này bầy dóa hoa này sắp thoát hóa ra
bầy vị tiên. Kể tên từng người, từng chỗ ở một, giờ là
còn nhớ bu em ạ.

— Thôi xin ông đừng rở truyện chiêm bao ra nữa.

— Hàn bà biết đâu, lặng mà nghe nào ! Thế rồi hai ông
lại bảo ta rằng (Trọng-dương vỗ tay vào ngực mình

mà nói) : ta đây trước cũng ở đóa hoa sen mà thoát
hóa ra đây, bu em ạ.

— Đáo đề nãi, thôi xin Tiên ngài hãy xếp truyện chiêm
bào nhằm ấy đi. Từ đó ông vẫn định ninh với ngày giờ
tháng bụt, đúng mồng ba tháng ba ông ngẩn ngơ ra
đường đón bụt, bỗng đâu gặp hai ông khách độ xưa,
tay bắt mặt mừng : quả là Tam sinh hữu hạnh, tưởng
khuất núi biết đâu ngày nay tái ngộ, Hai ông mời Trọng-
công lên chơi núi Bồng-lai đang buổi quần tiên đại hội.

Trọng-dương điềm một nụ cười, cười cái đời riêng
mình là kẻ phàm tục giám đầu dự hội tiên với Phật.
Trọng-dương cố mời khách về nhà, nhưng hai ông cứ chối.

Trọng-dương cúi đầu rón rén hỏi chính quâu của hai
ông và phương danh mĩ-hiệu.

— Chúng tôi rờng rỏi nhà Hán, ở huyện Nhâm-khâu,
tên là Hán Chung-ly, và Lã-động-tân, đặc đạo thành tiên
từ đời Đường vậy. Trọng-dương giạt mình bải quá, chấp
tay thỉnh xá nhị đại tiên, thứ cho bấy nay mắt trần mờ
mịt, thưa hải nhị-đại-tiên, trước đã có một lần đệ-tử vào
dâng hương ở động Bát-tiên gần núi ấy. Vậy a ? thế ngài
có thấy hình ảnh gì lạ không ? Thưa, trong động ấy chỉ
có hai pho tượng coi mô-rạng bệ như nai Đại tiên lắm.

Thế à ! Vậy ngài coi lại mà xem nhá ! Hai ông thở hơi
mạnh một cái, thì hiệu có đủ cả mũ mạng áo xiêm như
hai pho tượng trong động, hỏi Trọng-dương : có hết nữa
không ? Trọng-dương lạc phách xiêm hốt, chấp tay lạy
tôn là Hai sư phụ, cho đệ tử được nâng bầu đỡ túi từ đây.

Hai ông thấy người đời như người bày hểm có. bèn
trao tâm pháp và bí-thư, cho về nhà học đạo, giậu đường
tiết lộ thiển cơ. Đến năm mười tám tuổi, Trọng-công
khế ngộ thành tiên, nhà ông đã yên vui, riêng ông tiêu
rao sơn thủy rồi về động.

Tri-huyền tử : Thiện-Bảo

(Liệt-tiên-truyện)

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

Quốc thái phòng thủ Đông dương 33 triệu. — Muốn giữ vững cái địa-vị xứ Đông-dương Pháp-thuộc ở Á-đông Chính-phủ Đông-dương đã được chỉ bên Pháp cho phát hành một cuộc quốc-thái 33 triệu từ ngày 9 Juin 1938. Mỗi phiếu là 100\$00 nhưng theo số lãi 5 phần thì người mua được khấu lãi từ năm đầu. Mua phiếu quốc thái vừa giúp cho cuộc hòa-bình xứ sở mà lại có lãi, Chính-phủ đang tập hợp nhiều phương pháp cổ-động, khuyến khích cho nhân dân.

Một cơn, g-đực vô-úy-thí, xông vào sóng gió cứu ba mạng người. — Tại Thanh-bóa, đập Bai-thượng nước ngày 19 Juin, mấy hôm trời nắng to, nước cạn, đập phơi bờ, người đi qua lại được. Vì thế sáng 19 Juin bỗng người là Quân Hai Béo, Ngâm và Bùng cùng vác vó ra bờ đập, một môm đá, ngồi cất cá. Ngờ đâu lúc đó trên rừng mưa to, nước lũ đổ về mạnh quá, tràn ồ qua bờ đập như núi nước đổ xô. Bốn bác cất vó lâm vào cơn nguy-cấp, không lội lên bờ được mà đứng đấy sẽ bị nước cuốn đi. Một bác là Quân liều mạng nhảy xuống ngọn thác để bơi vào bờ, hay đâu nước đánh trim lìm và đưa đi một quãng xa, may có cái thuyền ở hạ-lưu vớt được khỏi chết. Còn ba bác kia thì chơi voi mồm đá, nước tước lên đã đến chân. Thân-nhân và mọi người ra đứng đây hai bờ sông hàng nghìn người, đứng nhìn cái cảnh nguy cơ sắp chết của ba bác, các ông giáo-học, cai tổng tìm hết phép để cứu mà không sao được. Vì nước chảy mạnh quá, thuyền không trèo ra được. Các cụ già chỉ còn một cách là niệm Phật để cầu cho bác thoát nạn. Thì bỗng có một người là Đào-vân-Nhưng quê làng Cổ-am (Bắc-kỳ), vào ngụ tại làng đó. Bác Nhưng vốn tài bơi tài lội, cũng làm nghề bắt cá.

Thấy bọn đồng nghiệp nguy-cấp, động lòng nghĩa-hiệp, bác Nhưng liền cầm một đầu giây bơi sáu ra mồm đá cho ba bạn vịn đầu giây theo người trong bờ kéo mà lặn vào. Ba bạn vào bờ trước, bác Nhưng mới vịn giây vào sau Ai nấy đều khen lao công đức bác Nhưng và mừng cho tính-mệnh ba bác bị nạn kia. Bác Nhưng thực đã làm được một việc vô-ù-y-thi trong đạo Phật.

TIN THẾ-GIỚI

Tin Âu châu. - Ở Tây-ban-nha, cuộc nội-loạn vẫn còn. Quân Franco thì thắng lắm, nhưng quân Bình dân vẫn chống cự lại được là nhờ các nước ngoài cấp quân-giới, lương-thực cho. Nay có tin Anh đã quyết rút quân tinh-nguyện ở Tây-ban-nha về. Pháp thì quyết đóng chặt cửa ải không cho chở khí-giới sang Tây-ban-nha, và 5 cường quốc định điều-định cho hai phái Tây-ban-nha đình-chiến. Có thể chăng, sinh dân Tây-ban-nha mới thoát khỏi cái vạ núi xương sông máu của chiến-tranh tàn-khốc.

Tin Á đông - Việc chiến-tranh ở Tàu. Mất Từ-, hâu, Khai-phong rồi, nay quân Tàu tập-trung để cố giữ Hán-khâu là nơi thủ-đô mới về ngoại-giao và quân-sự của Quốc-dân-dảng chính-phủ. Có tin Chính-phủ Quốc-dân sẽ thiên-đô đi Vân-nam. Còn Chính-phủ mới do Nhật đặt lên ở Nam-kinh để người Tàu cai trị đất đầu và mặt ngoài ừng đỡ với ngoại-quốc, thay vào Chính-phủ quốc-dân, Lương-hồng-Chí làm Hành-chính-viện-trưởng, độ trước vẫn đóng ở Thượng-hải, nay đã đưa về Nam-kinh. Máy bay Nhật vẫn luôn ngày đến ném bom xuống tỉnh thành Quảng-đông. Người ta nói quân Tàu chỉ có súng cao-sạ bắn lên, chứ không có cái máy bay nào bay lên ừng địch nên máy bay Nhật càng dễ hoành-bành.

KINH ĐANG IN
THỦY-XÁM GIẢNG NGHĨA

Có đủ nghi tắc làm lễ xám rất linh ứng, rất trang nghiêm.

Kinh in cả chữ Nho. Quốc ngữ đối chiếu, có bài dịch nghĩa trọn, đoạn nào khó lại phụ một bài giảng tràng-thiên, chữ nào khó có chú thích riêng, khiến cho người đọc Kinh hiểu đến ngọn nguồn, không còn hồ nghi gì nữa.

Kinh này gồm ba quyển, độ 600 trang, giá bán 1\$80. Ai đặt trước xin tính 1\$50, mà khi in xong cả ba quyển lại đóng giúp làm một quyển rất đẹp không tính tiền.

Thư và mandat xin đề gửi cho :

M. Nguyễn hữu-Kha, N. 73 Rue Richaud, Hanoi

CHI HỘI PHẬT-GIÁO HẢI-DƯƠNG

Kính bạch chư vị Nam nữ hội viên thuộc chi hội Phật-giáo thành phố Hải dương.

Theo như nhời Phật thuyết trong kinh Đại-Báo-Phụ-Mẫu-ân, thì chư Phật-tử nếu muốn báo được ân sâu cha mẹ, không gì bằng lúc sinh tiền phải hết sức hiếu thuận, khi một hậu thì cứ ngày rằm tháng 7 hương hoa cúng dâng chư Phật, và tụng kinh Đại-Báo-ân này, thế là báo ân cha mẹ đầy.

Chúng tôi thiết tưởng người ta ai là chả mang ân cha mẹ, nên chúng tôi định nhân dịp lễ Phá-đồ Trung-nguyên 15 tháng 7 này sẽ làm đủ giấy số truy triếu Tứ-thần Phụ Mẫu các hội-viên, một việc rất nể m.

Vậy xin các ngài hội-viên biên ngay cho huy hiệu các cụ từ-thần phụ-mẫu đã quá cố để làm giấy số kéo không kịp. Xin đưa lại cho M. Công Chấn là thư ký của hội ở số 29 phố hàng Giày, kể từ nay đến hết tháng 6 là cùng.

Ban Trị-sự kính bạch

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-Hà-ấp
Số 832 : Nhà in Đuốc-tuyệt chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi

Kính bạch các cụ Đạo-sư, các cụ Đại-biêu, cùng liệt
vị Tăng ni các quý chi hội chứng giám

Kỳ đại hội-dồng hôm 29 tháng 5 ta (26-6-38) vừa qua
bàn định việc làm chùa hội-quán Trung-ương là chủ lãn
đứng chủ trương mọi việc. Chi các cụ đã ấn định mỗi
địa phương hai vị lên trông coi các công việc làm.

Nay đã bắt đầu làm. Vậy xin các cụ cử người lên ngay
tho. Nay kính bạch

Chánh trụ trì chùa Quán-sứ Hanoi

Tiền cúng công đức làm chùa Hội-quán Trung-ương

Ông Trịn khải: Ninh	1500
Bà Trịn khải Ninh	1.00
Ông Vũ hồng Tiệm	4.00
Sư bà Đàm-Nhân	1.00
Chi hội Bình-giang (Haiduong)	4.00
Hội viên ở Hanoi	21.00
Ông Nguyễn văn Khiết, hàng Đồng	1.00
Bà Hoàng thị Liên, Medicament	5.00
Chư tăng ở Thái-binh	24.00
Cư sĩ ở Thái-binh	47.00
Chi hội Kinh-chủ (Haiduong)	20.00
Chi hội Tiên-hưng (Thái-binh)	47.00
Chi hội Bách-Lộc (Sơ-lây)	50.00
Chi hội Haiduong	100.00
Chi hội Côn-sơn	25.00
Chi hội Từ-sơn (Bắc-nh)	67.00
Hội viên cúng góp	7.00
Bà Nguyễn thị Sĩ, Hadong	2.00
Bà Nguyễn thị Miến, Hadong	2.00
Bà Lê thị Cư, Tân-hưng	3.00
Bà Đỗ thị Cẩm, Rollandes	5.00